

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1504/CV-CBTT.2021
V/v: Công bố những nội dung đã
được ĐHĐCĐ thường niên 2021
thông qua

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2021

Kính gửi:

- **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT**

Địa chỉ trụ sở chính: CR3 – 16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84 28) 5413 8366

Fax: (+84 28) 5413 8370

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Lan, Wan-Chen

Loại công bố thông tin: 24h 72h Bất thường Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

Căn cứ vào Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt trân trọng công bố những nội dung đã được thông qua trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2021 tổ chức ngày 15 tháng 04 năm 2021, như sau:

1. Biên bản họp ĐHĐCĐ số 1504/BBH-ĐHĐCĐ.2021 ngày 15/04/2021;
2. Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1504/NQ-ĐHĐCĐ.2021 ngày 15/04/2021.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt tại: <http://www.vbinvest.com.vn>, mục Cổ Đông phần Công bố thông tin.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.


Hồ sơ kèm theo:

- Biên bản họp ĐHĐCĐ số 1504/BBH-ĐHĐCĐ.2021 ngày 15/04/2021;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1504/NQ-ĐHĐCĐ.2021 ngày 15/04/2021.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Công ty.

**NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Bà LAN, WAN-CHEN

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn Hiệu Việt

Địa chỉ: CR3 – 16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Giấy CNĐKDN số: 0312080709 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 10/12/2012 và thay đổi lần 11 ngày 24/12/2019.

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 15 tháng 04 năm 2021, tại Lầu 5, CR3-05A, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt được tiến hành.

I. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI:

1. Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội

Bà Nguyễn Hải Linh báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, cụ thể: Tính đến 14 giờ 00 phút, ngày 15/04/2021 tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự là **10 cổ đông**, đại diện cho **19.375.132 cổ phần, chiếm tỷ lệ 96,88%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Danh sách và tỷ lệ nắm giữ cổ phần của các cổ đông tham dự được đính kèm.

Bà Nguyễn Hải Linh tuyên bố ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 được tiến hành theo đúng quy định tại điều 140, 141, 142, 143, 144, 145, 146 Luật doanh nghiệp 2020 và điều 19, 20 của Điều lệ Công ty. Số cổ đông dự họp đại diện **96,88% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty**, đủ điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát.

Bà Chiêu Nhã Thy trình bày và điều khiển Đại hội thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát bằng phiếu biểu quyết.

3. Thông qua nhân sự Chủ tọa đoàn, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu

Bà Chiêu Nhã Thy giới thiệu nhân sự Chủ tọa đoàn, Ban Thư ký, và Ban Kiểm Phiếu, cụ thể như sau:

Đoàn Chủ tọa

- Ông Ho, Feng Tao – Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội
- Ông Liew Sep Siang – Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Chiêu Nhã Thy giới thiệu nhân sự Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu, cụ thể như sau:

Ban Thư ký (gồm 01 người):

1. Bà **Nguyễn Hải Linh**

Ban kiểm phiếu (gồm 03 người):

1. Bà **Trương Nhã Nguyễn** – Trưởng ban kiểm phiếu
2. Bà **Võ Thị Nhi** – Thành viên
3. Bà **Phạm Thị Thanh Ngân** – Thành viên

4. Thông qua Chương trình nghị sự của Đại hội

Bà Chiêu Nhã Thy trình bày Chương trình nghị sự của Đại hội (*tài liệu đính kèm*).

Đại hội thông qua:

- Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021: 100% số phiếu chấp thuận
- Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: 100% số phiếu chấp thuận
- Nhân sự của Đoàn Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu và Chương trình nghị sự của Đại hội: 100% số phiếu chấp thuận

II. NỘI DUNG NGHỊ SỰ VÀ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT, KẾT QUẢ BẦU CỬ:

1. Hội đồng quản trị trình bày Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán Riêng lẻ và Hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31/12/2020 (Chi tiết tại tờ trình đính kèm).
2. Hội đồng quản trị trình bày Tờ trình thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 (Chi tiết tại tờ trình đính kèm).
3. Ban Kiểm soát trình bày Tờ trình thông qua Báo cáo của Ban Kiểm Soát về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 (Chi tiết theo tờ trình đính kèm).
4. Hội đồng quản trị trình bày Tờ trình thông qua Báo cáo về tình hình quản trị công ty năm 2020 (Chi tiết theo tờ trình đính kèm).
5. Hội đồng quản trị trình bày Tờ trình thông qua Kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2021 (Chi tiết theo tờ trình đính kèm).
6. Hội đồng quản trị trình bày Tờ trình thông qua Dự toán ngân sách trong năm 2021 (Chi tiết tại tờ trình đính kèm).
7. Hội đồng quản trị trình bày Tờ trình thông qua Việc chi trả cổ tức năm 2020 (Chi tiết tại tờ trình đính kèm).
8. Hội đồng quản trị trình bày Tờ trình thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt làm đơn vị kiểm toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt năm 2021 (Chi tiết tại tờ trình đính kèm) với nội dung chính như sau:

Kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt

Địa chỉ: 33 Phan Văn Khỏe, Phường 13, Quận 5, Tp. HCM

Tel: 028 3859 4168 – Fax: 028 3859 2285

Ủy quyền cho Tổng Giám đốc triển khai và ký tất cả tài liệu có liên quan đến quy trình cần thiết theo pháp luật cho vấn đề này.

9. Hội đồng quản trị trình bày Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (Chi tiết tại tờ trình đính kèm).
10. Ban Kiểm soát trình bày Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (Chi tiết tại tờ trình đính kèm).
11. Hội đồng quản trị trình bày Tờ trình thông qua Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (Chi tiết tại tờ trình đính kèm).
12. Hội đồng quản trị trình bày Tờ trình thông qua Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (Chi tiết tại tờ trình đính kèm).
13. Hội đồng quản trị trình bày Tờ trình thông qua Kế hoạch niêm yết cổ phiếu ABR lên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) (Chi tiết tại tờ trình đính kèm).
14. Hội đồng quản trị trình bày Tờ trình bầu cử thành viên Hội đồng quản trị của Công ty nhiệm kỳ 2021 – 2024.
15. Ban Kiểm soát trình bày Tờ trình bầu cử thành viên Ban Kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ 2021 – 2024.
16. Thảo luận, lấy ý kiến và giải trình

17. Cập nhật báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông

Bà Nguyễn Hải Linh cập nhật về tình hình cổ đông tham dự đại hội tính đến 14 giờ 30 phút ngày 15/04/2021 như sau: tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự là 11 cổ đông, đại diện cho 19.375.133 cổ phần, chiếm tỷ lệ 96,88% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

18. Công bố kết quả kiểm biểu quyết thông qua nội dung tờ trình và kết quả kiểm phiếu bầu cử

Bà Trương Nhã Nguyên – Trưởng Ban kiểm phiếu thay mặt Ban Kiểm phiếu lên công bố kết quả biểu quyết và kết quả kiểm phiếu bầu cử của các cổ đông như sau (chi tiết theo Biên bản kiểm phiếu đính kèm):

- Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán Riêng lẻ và Hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31/12/2020:

Ý kiến	Số cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phần)	Đạt tỷ lệ
Đồng ý	19.375.133	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

- Thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020:

Ý kiến	Số cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phần)	Đạt tỷ lệ
Đồng ý	19.375.133	100%
Không đồng ý	0	0%

Không có ý kiến	0	0%
-----------------	---	----

- Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm Soát về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020:

Ý kiến	Số cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phần)	Đạt tỷ lệ
Đồng ý	19.375.133	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

- Thông qua Báo cáo về tình hình quản trị công ty năm 2020:

Ý kiến	Số cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phần)	Đạt tỷ lệ
Đồng ý	19.375.133	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

- Thông qua Kế hoạch kinh doanh của công ty năm 2021:

Ý kiến	Số cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phần)	Đạt tỷ lệ
Đồng ý	19.375.133	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

- Thông qua Dự toán ngân sách của Công ty trong năm 2021:

Ý kiến	Số cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phần)	Đạt tỷ lệ
Đồng ý	19.375.133	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

- Thông qua Việc chi trả cổ tức năm 2020:

Ý kiến	Số cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phần)	Đạt tỷ lệ
Đồng ý	19.375.133	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

- Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt làm đơn vị kiểm toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt năm 2021 và ủy quyền cho Tổng Giám đốc triển khai và ký tất cả tài liệu có liên quan đến quy trình cần thiết theo pháp luật cho vấn đề này:

Ý kiến	Số cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phần)	Đạt tỷ lệ
Đồng ý	19.375.133	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

- Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị:

Ý kiến	Số cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phần)	Đạt tỷ lệ
Đồng ý	19.375.133	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

- Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát:

Ý kiến	Số cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phần)	Đạt tỷ lệ
Đồng ý	19.375.133	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

- Thông qua Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty:

Ý kiến	Số cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phần)	Đạt tỷ lệ
Đồng ý	19.375.133	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

- Thông qua Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty:

Ý kiến	Số cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phần)	Đạt tỷ lệ
Đồng ý	19.375.133	100%
Không đồng ý	0	0%

Không có ý kiến	0	0%
-----------------	---	----

- Thông qua Kế hoạch niêm yết cổ phiếu ABR lên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

Ý kiến	Số cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phần)	Đạt tỷ lệ
Đồng ý	19.375.133	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

- Kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị của Công ty nhiệm kỳ 2021 – 2024

STT	Danh sách trúng cử HĐQT	Tỷ lệ biểu quyết	
		Số phiếu bầu	Đạt tỷ lệ
1	Hoàng Thị Ngọc Diệp – Thành viên	19.385.205	100,05%
2	Vương Lệ Vân – Thành viên	19.365.100	99,95%
3	Hoàng Như Quỳnh – Thành viên	19.375.120	100,00%
4	Nguyễn Thị Trang – Thành viên	19.375.120	100,00%
5	Shih Chien Sheng – Thành viên độc lập	19.375.120	100,00%

- Kết quả bầu cử thành viên Ban Kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ 2021 – 2024

STT	Danh sách trúng cử BKS	Tỷ lệ biểu quyết	
		Số phiếu bầu	Đạt tỷ lệ
1	Nguyễn Duy Long	19.365.139	99,95%
2	Nguyễn Thị Thu Trang	19.385.140	100,05%
3	Tsai, Hsiu-Li	19.375.133	100,00%

19. Thông qua Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021:

Bà Nguyễn Hải Linh đọc Biên bản và Nghị quyết Đại hội và bà Chiêu Nhã Thy điều khiển Đại hội thông qua bằng Phiếu biểu quyết toàn văn nội dung Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021:

Ý kiến	Số cổ phần có quyền biểu quyết (cổ phần)	Đạt tỷ lệ
Đồng ý	19.375.132	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

Với 100% số phiếu đồng ý, toàn thể Đại hội đã thông qua Biên bản và Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt kết thúc lúc 15 giờ 12 phút cùng ngày.

Thư ký Đại hội



NGUYỄN HẢI LINH

Chủ tọa Đại hội



HO, FENG TAO

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Căn cứ:

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt;
- Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 15/04/2021 số 1504/BBH-ĐHĐCĐ.2021 của Công ty cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt.

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán Riêng lẻ và Hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31/12/2020 (Theo nội dung tờ trình và tài liệu đính kèm).
- Điều 2.** Thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 (Theo nội dung tờ trình đính kèm).
- Điều 3.** Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm Soát về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 (Theo nội dung tờ trình đính kèm).
- Điều 4.** Thông qua Báo cáo về tình hình quản trị công ty năm 2020 (Theo nội dung tờ trình và tài liệu đính kèm).
- Điều 5.** Thông qua Kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2021 (Theo nội dung tờ trình đính kèm).
- Điều 6.** Thông qua Dự toán ngân sách của Công ty trong năm 2021 (Theo nội dung tờ trình và tài liệu đính kèm).
- Điều 7.** Thông qua Việc chi trả cổ tức năm 2020 (Theo nội dung tờ trình và tài liệu đính kèm).
- Điều 8.** Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt làm đơn vị kiểm toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt năm 2021, như sau:

Kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt

Địa chỉ: 33 Phan Văn Khỏe, Phường 13, Quận 5, Tp. HCM

Tel: 028 3859 4168 – Fax: 028 3859 2285

Ủy quyền cho Tổng Giám đốc triển khai và ký tất cả tài liệu có liên quan đến quy trình cần thiết theo pháp luật cho vấn đề này.

- Điều 9.** Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (Theo nội dung tờ trình và tài liệu đính kèm).
- Điều 10.** Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (Theo nội dung tờ trình và tài liệu đính kèm).
- Điều 11.** Thông qua Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (Theo nội dung tờ trình và tài liệu đính kèm).
- Điều 12.** Thông qua Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Theo nội dung tờ trình và tài liệu đính kèm).
- Điều 13.** Thông qua Kế hoạch niêm yết cổ phiếu ABR lên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) (Theo nội dung tờ trình đính kèm).
- Điều 14.** Thông qua danh sách Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty nhiệm kỳ 2021 – 2024:
1. Bà Hoàng Thị Ngọc Diệp – Thành viên
 2. Bà Vương Lệ Vân – Thành viên
 3. Bà Hoàng Như Quỳnh – Thành viên
 4. Bà Nguyễn Thị Trang – Thành viên
 5. Ông Shih Chien Sheng – Thành viên độc lập
- Điều 15.** Thông qua danh sách Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ 2021 – 2024:
1. Ông Nguyễn Duy Long
 2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang
 3. Bà Tsai, Hsiu-Li
- Điều 16.** Đại hội đồng cổ đông nhất trí giao cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết này. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



HO, FENG TAO

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT**
**VIET BRAND INVEST
JOINT STOCK COMPANY**

---o0o---

Số: 2203-~~04~~/TTr-HĐQT.2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
SOCIAL REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

---o0o---

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2021
Ho Chi Minh City, March 22nd, 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
SUBMISSION TO ANNUAL GENERAL
MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2021

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ref: To approve the Audited Financial Statements for the year ended December 31st, 2020

Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Securities Law No. 54/2019/QH14 on November 26th, 2019;
- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Enterprise Law No. 59/2020/QH14 on June 17th, 2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
Decree No. 155/2020/ND-CP on December 31st, 2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt ("Nhân hiệu Việt").
Charter of Viet Brand Invest Joint Stock Company ("Viet Brand").

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các Báo cáo tài chính (bao gồm Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất) năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Chuẩn Việt:

Board of Directors of Viet Brand Invest Joint Stock Company would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders to approve the Financial Statements (including Separate Financial Statement and Consolidated Financial Statement) of 2020 were audited by Viet Values Auditing and Consulting Company Limited.

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua.

Board of Directors would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders of 2021 to consider to approve.



Báo cáo tài chính đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty (<http://vbinvest.com.vn>), bao gồm:

The financial statements has been disclosed as required by law and posted up Company's website at (<http://vbinvest.com.vn>) which include:

1. Báo cáo của Kiểm toán độc lập;
Independent auditor's report;
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020;
Balance sheet as at December 31, 2020
3. Báo cáo Kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020;
Income statement for the year ended 31 December 2020;
4. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020;
Cash flow statement for the year ended 31 December 2020;
5. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.
Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2020.

Trong đó, một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 như sau:

In which, key items provided in audited seperate and consolidated financial statements of the year of 2020 as follows:

STT No.	Chỉ tiêu Items	ĐVT Unit	Báo cáo tài chính hợp nhất/ Consolidated financial statement	Báo cáo tài chính riêng/ Seperate financial statement
1	Tổng tài sản <i>Total assets</i>	Đồng	282.442.902.551	204.517.339.257
2	Vốn Chủ sở hữu <i>Total Equity</i>	Đồng	236.440.422.020	204.399.873.106
3	Doanh thu thuần <i>Net revenue</i>	Đồng	98.258.258.741	0
5	Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	Đồng	30.403.849.158	1.117.070.492
6	Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	Đồng	24.728.636.392	946.718.816

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua.

Board of Directors would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders of 2021 to consider to approve.

Trân trọng.
Best regards.

Đính kèm/ Enclosure:

1. Báo cáo tài chính kiểm toán riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.
Separate audit Financial Statements for the year ended December 31st, 2020.
2. Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.
Consolidated audit Financial Statements for the year ended December 31st, 2020.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
CHAIRMAN OF BOARD OF DIRECTORS**




HO, FENG TAO



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**®)

Công ty thành viên của JPA International

Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Tel : +84 (28) 3859 4168

Fax : +84 (28) 3859 2285

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH - RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán (riêng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11 - 21



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt (tiếng nước ngoài: Viet Brand Invest Joint Stock Company) được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Thời trang Gia My– từ ngày 01 tháng 06 năm 2015 theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 số 0312080709 (trước đó Công ty CP Thời trang Gia My được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Kiến An). Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0312080709 ngày 10 tháng 12 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp, đăng ký thay đổi lần 11 ngày 24/12/2019.

Vốn điều lệ : 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng).

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch UpCom với mã chứng khoán là ABR.

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (28) 5413 8366

Fax : +84 (28) 5413 8370

Mã số thuế : 0312080709

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ, dược phẩm);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, cháy cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh);
- Đại lý, môi giới, đấu giá, chi tiết : Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản và môi giới bảo hiểm);
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dự luận (trừ thông tin nhà nước cấm và dịch vụ điều tra);
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết : Bán buôn rau quả, chè, cà phê (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, lúa) và động vật sống, chi tiết: Bán buôn hàng nông, lâm sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết : Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ rau, quả, chè, cà phê trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ ăn uống khác, chi tiết: Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phụ vụ lưu động, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, ăn uống;

03120
CỔ
CỔ
ĐÀ
HẢI
V
PHỐ
0312
CỔ
CH NH
TOÁN
HU
5 - TP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Rang và lọc cà phê; Sản xuất các sản phẩm cà phê như: Cà phê hòa tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; Sản xuất các chất thay thế cà phê (không hoạt động tại trụ sở);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp, bến bãi, giao thông, thủy lợi, xây dựng hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khi du lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính.

4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ho, Feng Tao	Chủ tịch	29/07/2019	
Ông Shih Chien Sheng	Thành viên độc lập	14/06/2019	
Ông Lu, Hui-Hung	Thành viên	14/06/2019	
Bà Lan, Wan-Chen	Thành viên	14/06/2019	
Bà Hoàng Như Quỳnh	Thành viên	14/06/2019	

4.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Liew Sep Siang	Trưởng ban	29/07/2019	
Ông Lo, Nai-Wei	Thành viên	14/06/2019	
Bà Tsai, Hsiu-Li	Thành viên	14/06/2019	

4.3 Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lan, Wan-Chen	Tổng Giám đốc	14/06/2019	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Ho, Feng Tao (Chủ tịch Hội đồng quản trị) và bà Lan, Wan-Chen (Tổng Giám đốc).

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động (riêng) và tình hình tài chính (riêng) của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn Hiệu Việt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (riêng) từ trang 07 đến trang 21.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng).

302
IG
PH
UT
JH
IET
HO
3175
GTY
MHU
IVAT
NV
HO

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (riêng) để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (riêng), kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và lưu chuyển tiền tệ (riêng) của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) này, Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (riêng).
- Lập Báo cáo tài chính (riêng) trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng).

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính (riêng), tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng).

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng).

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính (riêng)

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính (riêng) đính kèm. Báo cáo tài chính (riêng) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (riêng) của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng).

Thay mặt Hội đồng quản trị,



HO, FENG TAO

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021.

Y
N
H
U
C
H
I
M
H
A
N
I
V
A
N
H
I
E
T
C
H
I
M

Số: 2122 /21/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (riêng) kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 21 bao gồm Bảng cân đối kế toán (riêng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng).

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính (riêng) dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính (riêng). Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính (riêng) do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính (riêng).

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

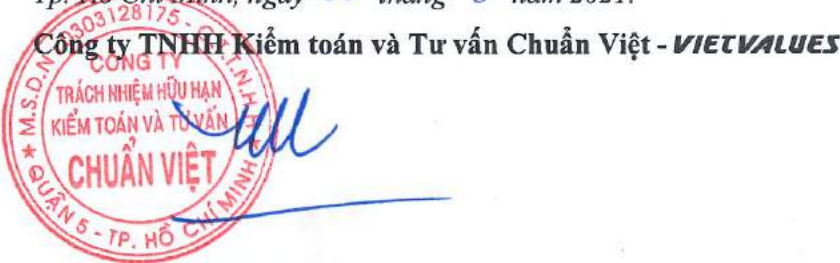
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính (riêng) đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính (riêng) của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng).

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo kiểm toán rằng, phạm vi của báo cáo tài chính (riêng) này chỉ phản ánh tình hình tài chính (riêng) và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty CP Đầu tư Nhân Hiệu Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả kinh doanh (riêng) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Việc hợp nhất báo cáo tài chính (riêng) của Công ty CP Đầu tư Nhân Hiệu Việt với các công ty con không thuộc phạm vi báo cáo này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021.



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số 2849-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		32.724.539.257	31.755.230.952
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	397.531.075	396.666.166
111	1. Tiền		397.531.075	396.666.166
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2a	31.170.000.000	30.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		31.170.000.000	30.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.142.222.292	1.328.016.926
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		-	-
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		35.000.000	16.000.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.3	1.107.222.292	1.312.016.926
140	IV. Hàng tồn kho		-	-
141	1. Hàng tồn kho		-	-
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14.785.890	30.547.860
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		14.184.004	14.184.004
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.5	601.886	601.886
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	15.761.970
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		171.792.800.000	171.892.400.000
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	170.000.000.000	170.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		170.000.000.000	170.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.792.800.000	1.892.400.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.4	1.792.800.000	1.892.400.000
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		204.517.339.257	203.647.630.952

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		117.466.151	194.476.662
310	I. Nợ ngắn hạn		117.466.151	194.476.662
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		133.100	31.000.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.5	11.804.301	71.471.344
314	3. Phải trả người lao động		28.528.750	29.884.318
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.6	77.000.000	62.121.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác		-	-
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	-
330	II. Nợ dài hạn		-	-
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		204.399.873.106	203.453.154.290
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.7	204.399.873.106	203.453.154.290
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.399.873.106	3.453.154.290
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		3.453.154.290	3.313.379.689
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		946.718.816	139.774.601
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		204.517.339.257	203.647.630.952

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





NGUYỄN HẢI LINH

NGUYỄN HẢI LINH

LAN, WAN-CHEN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

KẾT QUẢ KINH DOANH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

KẾT QUẢ KINH DOANH (RIÊNG)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	-	5.079.500.425
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	5.079.500.425
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	-	4.812.424.633
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	267.075.792
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	1.989.372.306	1.122.100.653
22	7. Chi phí tài chính		5.000.000	59.903.820
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	59.903.820
24	8. Chi phí bán hàng		-	101.500.000
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	767.574.618	712.813.947
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.216.797.688	514.958.678
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		99.727.196	300.829.672
40	13. Lợi nhuận khác		(99.727.196)	(300.829.672)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.117.070.492	214.129.006
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.5	170.351.676	74.354.405
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		946.718.816	139.774.601
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.5		
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.5		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



NGUYỄN HẢI LINH

NGUYỄN HẢI LINH

LAN, WAN-CHEN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (RIÊNG)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	V.5	1.117.070.492	214.129.006
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(1.989.372.306)	(836.323.863)
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		-	-
03	- Các khoản dự phòng		-	(10.828.317)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3	(1.989.372.306)	(885.399.366)
06	- Chi phí lãi vay		-	59.903.820
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(872.301.814)	(622.194.857)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(19.000.000)	16.438.672.390
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		-	2.807.659.633
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(18.209.718)	(50.846.362)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		99.600.000	100.250.007
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(59.903.820)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.5	(229.152.469)	(525.326.095)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.039.064.001)	18.088.310.896
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	2.367.012.875
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(31.170.000.000)	(30.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		30.000.000.000	1.431.500.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(170.000.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	8.280.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.209.928.910	1.122.100.653
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.039.928.910	(186.799.386.472)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	170.000.000.000
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	1.982.000.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	(3.962.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	168.020.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		864.909	(691.075.576)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	396.666.166	1.087.741.742
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	397.531.075	396.666.166

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

(Chữ ký)

(Chữ ký)

NGUYỄN HẢI LINH

NGUYỄN HẢI LINH



LAN, WAN-CHEN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Một số ngành nghề kinh doanh chính trong năm:

- Bán buôn, bán lẻ sản phẩm nông, lâm nghiệp như cà phê hạt, cà phê hòa tan;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (riêng)

Công ty tập trung vào hoạt động khai thác kinh doanh từ việc đầu tư nhân hiệu và đại lý thương hiệu (theo định hướng kinh doanh được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1905/NQ-ĐHĐCD.2020 ngày 19/05/2020 của Công ty). Không diễn ra hoạt động kinh doanh hàng hóa.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV TM DV Cuộc Sống Mới	Tầng 02, CR3-16, số 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ Internet, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng. Kinh doanh dịch vụ viễn thông.	100%	100%	100%	100%	100%	100%

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 03 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 04 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (riêng)

Báo cáo tài chính (riêng) được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.



3128
CÔNG
NHĨ
TOÁN
TUẢ
TP.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất làm nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 20 năm.

6. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

8. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

9. Ghi nhận thu nhập

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

10. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

11. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được giảm 30% theo quy định của Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính (riêng) và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

80,
VG
PH,
UT
VH
IET
HỒ
C.T.I.V.
IAN
VĂN
T
HÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ trong lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	397.531.075	396.666.166
Cộng	397.531.075	396.666.166

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Á Châu, có kỳ hạn là 06 tháng.

2b. Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	170.000.000.000	170.000.000.000	-	170.000.000.000	170.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV TM DV Cuộc Sống Mới ⁽¹⁾	170.000.000.000	170.000.000.000	-	170.000.000.000	170.000.000.000	-
Cộng	170.000.000.000	170.000.000.000	-	170.000.000.000	170.000.000.000	-

⁽¹⁾ Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307382140 ngày 17/02/2009 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH MTV TM DV Cuộc Sống Mới với vốn điều lệ là 35.300.000.000 đồng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty CP Đầu tư Nhãn Hiệu Việt đã đầu tư 170.000.000.000 đồng, tương ứng nắm giữ 100% vốn điều lệ (số đầu năm là 170.000.000.000 đồng, tương ứng 100% vốn điều lệ).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu khác</i>	1.107.222.292	1.312.016.926
- Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	798.635.178	1.019.191.782
- Đối tượng khác	308.587.114	292.825.144
Cộng	1.107.222.292	1.312.016.926

4. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất ^(*)	1.792.800.000	1.892.400.000
Cộng	1.792.800.000	1.892.400.000

^(*) Là khoản tiền thuê đất theo Hợp đồng thuê nhà đất số 02/HĐTND.2018 ngày 25/12/2018 với bà Trương Thị Vân và chồng bà Vân (ông Phạm Hoài Vũ) đồng sở hữu tại khu đất: Thửa đất số 819, tờ bản đồ số 54, P.An Phú Đông, Quận 12, Tp. HCM. Mục đích thuê: làm văn phòng. Thời hạn thuê là 20 năm từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2038.

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

Chi tiết:	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.892.400.000	1.992.000.000
Tăng trong năm	-	-
Phân bổ trong năm	(99.600.000)	(99.600.000)
Số cuối năm	1.792.800.000	1.892.400.000

5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	69.288.844	-	170.351.676	(229.152.469)	10.488.051	-
- Thuế thu nhập cá nhân	2.182.500	-	7.789.542	(8.655.792)	1.316.250	-
- Thuế môn bài	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
- Các khoản thuế khác	-	601.886	-	-	-	601.886
Cộng	71.471.344	601.886	182.141.218	(241.808.261)	11.804.301	601.886

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.117.070.492	214.129.006
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	99.727.196	132.315.212
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	99.727.196	132.315.212
Thu nhập chịu thuế	1.216.797.688	346.444.218
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	1.216.797.688	346.444.218
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp từ thu nhập tính thuế trong năm	243.359.538	69.288.844
Thuế TNDN phải nộp từ thu nhập tính thuế trong năm được giảm 30% (*)	(73.007.861)	-
Thuế TNDN nộp bổ sung của các năm trước	-	5.065.561
Tổng Thuế TNDN phải nộp trong năm	170.351.676	74.354.405

(*) Công ty được giảm 30% Thuế TNDN phải nộp trong năm do thỏa điều kiện có tổng doanh thu nhỏ hơn 200 tỷ (theo quy định tại khoản 1, điều 2, Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ).

6. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

7. Vốn chủ sở hữu

7a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Tại ngày 01/01/2019	30.000.000.000	3.313.379.689	33.313.379.689
Tăng trong năm	170.000.000.000	139.774.601	170.139.774.601
- Lãi trong năm	-	139.774.601	139.774.601
- Góp vốn trong năm	170.000.000.000	-	170.000.000.000
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	200.000.000.000	3.453.154.290	203.453.154.290
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020			
Tại ngày 01/01/2020	200.000.000.000	3.453.154.290	203.453.154.290
Tăng trong năm	-	946.718.816	946.718.816
- Lãi trong năm	-	946.718.816	946.718.816
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	200.000.000.000	4.399.873.106	204.399.873.106

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

7b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Công ty CP Phát triển Quang Thái	157.903.500.000	78,95	157.903.500.000	78,95
- Công ty TNHH Phát triển Vũ Hồng	9.250.200.000	4,63	9.250.200.000	4,63
- Lan, Wan-Chen	9.773.000.000	4,89	9.773.000.000	4,89
- Tsai, Hsiu-Li	9.523.000.000	4,76	9.523.000.000	4,76
- Các cổ đông khác	13.550.300.000	6,77	13.550.300.000	6,77
Cộng	200.000.000.000	100,00	200.000.000.000	100,00

Chi tiết Vốn chủ sở hữu của các cổ đông cập nhật tại ngày 31/12/2020.

7c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	30.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	170.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

7d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

8. Tài khoản ngoài bảng

Không có các khoản mục tài khoản ngoài bảng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	-	5.079.500.425
Cộng	-	5.079.500.425

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	4.812.424.633
Cộng	-	4.812.424.633

3. Doanh thu tài chính

Chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng.

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	422.813.712	304.132.281
- Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	5.000.000
- Các chi phí khác	340.760.906	403.681.666
Cộng	767.574.618	712.813.947

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này không trình bày trên báo cáo (riêng) của Công ty CP Đầu tư Nhãn Hiệu Việt vì đây là Công ty mẹ. Căn cứ vào điểm 3.19, khoản 3, điều 113, Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân công	422.813.712	304.132.281
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	344.760.906	510.181.666
Cộng	767.574.618	814.313.947

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Đơn vị tính: VNĐ)

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
- Lương	180.000.000	145.750.000
- Cổ tức	-	-
Cộng	180.000.000	145.750.000



2. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý

Trong kỳ, không có hoạt động tạo ra doanh thu.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả kinh doanh (riêng) của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính đến ngày phát hành báo cáo này có ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN HẢI LINH

NGUYỄN HẢI LINH

LAN, WAN-CHEN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của *JPA International*
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11 - 29



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn Hiệu Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn Hiệu Việt và 01 công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán của Tập đoàn.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn Hiệu Việt (tiếng nước ngoài: Viet Brand Invest Joint Stock Company) được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Thời trang Gia My- từ ngày 01 tháng 06 năm 2015 theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 số 0312080709 (trước đó Công ty CP Thời trang Gia My được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Kiến An). Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0312080709 ngày 10 tháng 12 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp, đăng ký thay đổi lần 11 ngày 24/12/2019.

Vốn điều lệ : 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng).

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch UpCom với mã chứng khoán là ABR.

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (28) 5413 8366

Fax : +84 (28) 5413 8370

Mã số thuế : 0 3 1 2 0 8 0 7 0 9

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ, dược phẩm);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, cháy cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh);
- Đại lý, môi giới, đấu giá, chi tiết : Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản và môi giới bảo hiểm);
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dự luận (trừ thông tin nhà nước cấm và dịch vụ điều tra);
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết : Bán buôn rau quả, chè, cà phê (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, lúa) và động vật sống, chi tiết: Bán buôn hàng nông, lâm sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết : Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ rau, quả, chè, cà phê trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ ăn uống khác, chi tiết: Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phụ vụ lưu động, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, ăn uống;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Rang và lọc cà phê; Sản xuất các sản phẩm cà phê như: Cà phê hòa tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; Sản xuất các chất thay thế cà phê (không hoạt động tại trụ sở);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp, bến bãi, giao thông, thủy lợi, xây dựng hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khí du lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính;
- Cung cấp dịch vụ Internet, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng;
- Kinh doanh dịch vụ viễn thông.

4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc của Tập đoàn trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ho, Feng Tao	Chủ tịch	29/07/2019	
Ông Shih Chien Sheng	Thành viên độc lập	14/06/2019	
Ông Lu, Hui-Hung	Thành viên	14/06/2019	
Bà Lan, Wan-Chen	Thành viên	14/06/2019	
Bà Hoàng Như Quỳnh	Thành viên	14/06/2019	

4.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Liew Sep Siang	Trưởng ban	29/07/2019	
Ông Lo, Nai-Wei	Thành viên	14/06/2019	
Bà Tsai, Hsiu-Li	Thành viên	14/06/2019	

4.3 Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lan, Wan-Chen	Tổng Giám đốc	14/06/2019	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Ho, Feng Tao (Chủ tịch Hội đồng quản trị) và bà Lan, Wan-Chen (Tổng Giám đốc).

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động (hợp nhất) và tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) từ trang 07 đến trang 29.

0709
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

SHH * HA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tập đoàn.

9. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất), kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) này, Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).
- Lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính (hợp nhất), tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất) đính kèm. Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Thay mặt Hội đồng quản trị,



HỒ, FENG TAO

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021.

Số: 2123 /21/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn Hiệu Việt và 01 công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính (hợp nhất) dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính (hợp nhất). Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2021.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số 2817-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		199.049.394.509	171.092.607.309
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	96.688.779.310	102.791.258.558
111	1. Tiền		24.507.016.820	82.515.756.705
112	2. Các khoản tương đương tiền		72.181.762.490	20.275.501.853
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		78.547.962.615	44.313.021.370
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	78.547.962.615	44.313.021.370
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		20.838.689.832	23.354.865.277
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	20.107.519.626	19.367.297.804
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	77.008.062	1.451.527.197
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	2.484.173.258	2.536.040.276
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.830.011.114)	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	1.568.254.608	273.732.408
141	1. Hàng tồn kho		1.568.254.608	273.732.408
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.405.708.144	359.729.696
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	99.363.902	126.034.734
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		726.546.668	217.331.106
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.13	579.797.574	601.886
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	15.761.970
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		83.393.508.042	87.340.901.189
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		69.808.980	102.728.340
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	69.808.980	102.728.340
220	II. Tài sản cố định		7.799.668.596	350.034.505
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	7.799.668.596	350.034.505
222	- Nguyên giá		9.142.640.738	2.489.351.992
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.342.972.142)	(2.139.317.487)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		12.440.933.660	14.952.838.784
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.9	12.440.933.660	14.952.838.784
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		43.262.166	43.262.166
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2b	43.262.166	43.262.166
260	VI. Tài sản dài hạn khác		63.039.834.640	71.892.037.394
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	1.811.163.432	1.901.111.464
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		256.201.556	-
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		23.849.091	2.174.855.165
269	4. Lợi thế thương mại	V.10	60.948.620.561	67.816.070.765
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		282.442.902.551	258.433.508.498

75
 HỮU
 TƯ
 VII
 6C

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		46.002.480.531	46.721.722.870
310	I. Nợ ngắn hạn		43.077.671.349	44.497.062.088
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	35.094.332.778	33.131.436.132
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	471.791.367	314.725.187
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	284.327.913	5.463.596.187
314	4. Phải trả người lao động		3.478.810.107	2.945.927.078
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.14	1.607.358.273	828.361.182
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.15a	2.141.050.911	1.813.016.322
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	-
330	II. Nợ dài hạn		2.924.809.182	2.224.660.782
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
337	3. Phải trả dài hạn khác	V.15b	2.924.809.182	2.224.660.782
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		236.440.422.020	211.711.785.628
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.16	236.440.422.020	211.711.785.628
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		36.440.422.020	11.711.785.628
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		11.711.785.628	3.313.379.689
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		24.728.636.392	8.398.405.939
429	7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		282.442.902.551	258.433.508.498

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





NGUYỄN HẢI LINH

NGUYỄN HẢI LINH

LAN, WAN-CHEN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	98.258.258.741	27.047.585.936
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		98.258.258.741	27.047.585.936
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	45.513.681.919	14.820.415.822
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		52.744.576.822	12.227.170.114
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	7.027.058.324	2.159.503.491
22	7. Chi phí tài chính		5.292.322	59.903.820
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	59.903.820
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.4	8.332.551.198	610.707.494
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	21.732.837.251	2.801.680.677
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		29.700.954.375	10.914.381.614
31	12. Thu nhập khác	VI.6	824.879.134	165.697.941
32	13. Chi phí khác	VI.7	121.984.351	322.555.871
40	14. Lợi nhuận khác		702.894.783	(156.857.930)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		30.403.849.158	10.757.523.684
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.13	5.931.414.322	2.359.117.745
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(256.201.556)	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		24.728.636.392	8.398.405.939
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		24.728.636.392	8.398.405.939
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	1.236	1.604
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	1.236	1.604

Người lập biểu



NGUYỄN HẢI LINH

Kế toán trưởng



NGUYỄN HẢI LINH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021.

Tổng Giám Đốc



LAN, WAN-CHEN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	V.13	30.403.849.158	10.757.523.684
	2. Điều chỉnh cho các khoản		2.847.433.720	265.590.786
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.8, V.10	8.077.156.851	2.139.317.487
03	- Các khoản dự phòng		1.830.011.114	(10.828.317)
04	- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(27.872)	-
05	- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3, VI.6	(7.059.706.373)	(1.922.802.204)
06	- Chi phí lãi vay		-	59.903.820
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		33.251.282.878	11.023.114.470
09	- Tăng giảm các khoản phải thu		(1.587.953.833)	(67.170.348.525)
10	- Tăng giảm hàng tồn kho		(1.198.836.237)	2.533.927.225
11	- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2.334.825.896	44.191.636.506
12	- Tăng giảm chi phí trả trước		116.618.864	(67.850.566.956)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(59.903.820)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.13	(9.754.086.621)	(525.326.095)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		23.161.850.947	(77.857.467.195)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.298.527.877)	(19.617.045.941)
22	2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	VI.6	36.419.909	2.367.012.875
23	3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(61.297.972.287)	(44.313.021.370)
24	4. Tiền thu hồi cho vay bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		30.000.000.000	60.931.500.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(50.000.000.000)	(43.262.166)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		50.000.000.000	8.280.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia		4.295.722.188	3.935.800.613
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		(29.264.358.067)	11.540.984.011
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	170.000.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		-	1.982.000.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		-	(3.962.000.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		-	168.020.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(6.102.507.120)	101.703.516.816
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	102.791.258.558	1.087.741.742
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		27.872	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	96.688.779.310	102.791.258.558

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021.

Người lập biểu

Kế toán trưởng




NGUYỄN HẢI LINH

NGUYỄN HẢI LINH



Tổng Giám Đốc



HỒ LAN, WAN-CHEN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt và 01 công ty con (sau đây gọi là "Tập đoàn").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Một số ngành nghề kinh doanh chính trong năm:

- Bán buôn, bán lẻ sản phẩm nông, lâm nghiệp như cà phê hạt, cà phê hòa tan;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Cung cấp dịch vụ Internet, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng;
- Kinh doanh dịch vụ viễn thông.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Kết quả kinh doanh (hợp nhất) năm nay (được hợp nhất từ kết quả kinh doanh của công ty mẹ (Công ty CP Đầu tư Nhân Hiệu Việt) từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 với kết quả kinh doanh của công ty con (Công ty TNHH MTV DV Cuộc Sống Mới) từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020). Kết quả kinh doanh (hợp nhất) năm trước (được hợp nhất từ kết quả kinh doanh của công ty mẹ (Công ty CP Đầu tư Nhân Hiệu Việt) từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019 với kết quả kinh doanh của công ty con (Công ty TNHH MTV DV Cuộc Sống Mới) từ ngày 15/11/2019 đến ngày 31/12/2019). Do đó Doanh thu và Lợi nhuận năm nay cao hơn so với năm trước.

709
TY
AN
U
HIỆU
VIỆT
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

6. Cấu trúc Tập đoàn

Công ty con

Số lượng công ty con: 01.

Số lượng công ty con được hợp nhất: 01.

Thông tin về Công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV TM DV Cuộc Sống Mới	Tầng 02, CR3-16, số 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ Internet, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng. Kinh doanh dịch vụ viễn thông.	100%	100%	100%	100%	100%	100%

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 90 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 94 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con. Các báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Tập đoàn và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với cả phê nhân và cả phê thành phẩm robusta và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

3120
CỘNG
CỔ P
ĐẦU
TƯ
VI
PH
817
IG T
IÊM H
N VÀ
AN
P. H

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất làm nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 20 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 06
Máy móc	02 – 07
Tài sản cố định khác	03

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ (điện thoại và internet) được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHẢN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyên nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

1208
CÔNG
CỔ P
ĐẦU
TƯ
VIỆ
HỒ
TR
KIẾ
QUẢN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Chi tiết gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	101.874.571	25.797.498
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.405.142.249	82.489.959.207
- Các khoản tương đương tiền (*)	72.181.762.490	20.275.501.853
Cộng	96.688.779.310	102.791.258.558

(*) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng với thời gian gửi dưới 03 tháng.

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

Là khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

Là khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng có kỳ hạn trên 12 tháng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chi tiết gồm:

*Phải thu của khách hàng là bên liên quan**Phải thu của khách hàng không là bên liên quan*

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi nhánh Công ty CP DV Bưu chính Viễn thông Sài Gòn – Trung tâm Điện thoại SPT	7.960.257.644	2.902.324.445
- Chi nhánh Tổng Công ty DV Viễn Thông – Trung tâm Hỗ trợ Bán hàng Miền Nam	2.487.078.897	1.872.908.008
- Phải thu các khách hàng khác	9.660.183.085	14.592.065.351
Cộng	20.107.519.626	19.367.297.804

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trích lập dự phòng trong năm và số dư cuối năm	1.830.011.114	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:

*Trả trước cho người bán là bên liên quan**Trả trước cho người bán không là bên liên quan*

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trả trước cho các người bán khác	77.008.062	1.451.527.197
Cộng	77.008.062	1.451.527.197

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu khác</i>	2.484.173.258	2.536.040.276
- Tạm ứng cho nhân viên	-	162.813.500
- Ký quỹ	-	10.000.000
- Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	798.635.178	1.464.922.236
- Đối tượng khác	1.685.538.080	898.304.540
Cộng	2.484.173.258	2.536.040.276

5b. Phải thu dài hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu khác</i>	69.808.980	102.728.340
- Ký quỹ	69.808.980	102.728.340
Cộng	69.808.980	102.728.340

6. Hàng tồn kho

Chi tiết gồm:	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.568.254.608	-	271.883.013	-
- Hàng hóa	-	-	1.849.395	-
Cộng	1.568.254.608	-	273.732.408	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ	99.363.902	126.034.734
Cộng	99.363.902	126.034.734

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước ngắn hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	126.034.734	650.007
Tăng trong năm	772.016.436	330.160.576
Phân bổ trong năm	(798.687.268)	(204.775.849)
Số cuối năm	99.363.902	126.034.734

7b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền thuê đất (*)	1.792.800.000	1.892.400.000
- Công cụ, dụng cụ	18.363.432	8.711.464
Cộng	1.811.163.432	1.901.111.464

(*) Là khoản tiền thuê đất theo Hợp đồng thuê nhà đất số 02/HĐTND.2018 ngày 25/12/2018 với bà Trương Thị Vân và chồng bà Vân (ông Phạm Hoài Vũ) đồng sở hữu tại khu đất: Thửa đất số 819, tờ bản đồ số 54, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. HCM. Mục đích thuê: làm văn phòng. Thời hạn thuê là 20 năm từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2038.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.901.111.464	1.992.000.000
Tăng trong năm	24.367.273	9.358.358
Phân bổ trong năm	(114.315.305)	(100.246.894)
Số cuối năm	1.811.163.432	1.901.111.464

8. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	193.636.364	2.259.415.628	36.300.000	2.489.351.992
2. Tăng trong năm	-	8.659.340.738	-	8.659.340.738
- Xây dựng cơ bản chuyển sang	-	8.659.340.738	-	8.659.340.738
3. Giảm trong năm	(193.636.364)	(1.812.415.628)	-	(2.006.051.992)
- Thanh lý, nhượng bán	(193.636.364)	(1.812.415.628)	-	(2.006.051.992)
4. Số dư cuối năm	-	9.106.340.738	36.300.000	9.142.640.738
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-
II. Giá trị hao mòn				
1. Số dư đầu năm	193.636.364	1.930.556.128	15.124.995	2.139.317.487
2. Tăng trong năm	-	1.197.606.651	12.099.996	1.209.706.647
- Khấu hao	-	1.197.606.651	12.099.996	1.209.706.647
3. Giảm trong năm	(193.636.364)	(1.812.415.628)	-	(2.006.051.992)
- Thanh lý, nhượng bán	(193.636.364)	(1.812.415.628)	-	(2.006.051.992)
4. Số dư cuối năm	-	1.315.747.151	27.224.991	1.342.972.142
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	-	328.859.500	21.175.005	350.034.505
2. Tại ngày cuối năm	-	7.790.593.587	9.075.009	7.799.668.596

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết gồm:	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển từ công cụ dài hạn sang	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
- Xây dựng cơ bản (*)	14.952.838.784	4.092.115.503	2.055.320.111	(8.659.340.738)	12.440.933.660
Cộng	14.952.838.784	4.092.115.503	2.055.320.111	(8.659.340.738)	12.440.933.660

(*) Giá trị xây dựng cơ bản dở dang cuối năm là chi phí xây dựng hạng mục Cơ sở hạ tầng phục vụ phụ sóng mạng di động trong các toàn nhà. Thời hạn hoàn thành dự kiến: đến hết ngày 01/04/2022.

10. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH MTV TM DV Cuộc Sống Mới (*)	67.816.070.765	-	(6.867.450.204)	60.948.620.561
Cộng	67.816.070.765	-	(6.867.450.204)	60.948.620.561

(*) Giá trị lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí với thời gian phân bổ còn lại là 8 năm 10,5 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

11. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả người bán là bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả người bán không là bên liên quan</i>	35.094.332.778	33.131.436.132
- Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng	17.616.540.075	20.425.254.804
- Công ty CP DV Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	11.466.386.904	7.646.225.339
- Phải trả người bán khác	6.011.405.799	5.059.955.989
Cộng	35.094.332.778	33.131.436.132

Tập đoàn không có khoản nợ nào quá hạn thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Người mua trả tiền trước là bên liên quan</i>	-	-
<i>Người mua trả tiền trước không là bên liên quan</i>	471.791.367	314.725.187
- Các người mua trả tiền trước khác	471.791.367	314.725.187
Cộng	471.791.367	314.725.187

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết gồm:	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phân loại lại sang phải trả khác ^(*) / Cấn trừ	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	41.501.274	-	13.531.917.761	(5.743.563.848)	(7.829.855.187)	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.253.964.662	-	5.931.414.322	(9.754.086.621)	-	10.488.051	579.195.688
- Thuế thu nhập cá nhân	746.793.988	-	1.175.399.365	(1.648.353.491)	-	273.839.862	-
- Các loại thuế khác	1.421.336.263	601.886	9.000.000	(89.291.100)	(1.341.045.163)	-	601.886
Cộng	5.463.596.187	601.886	20.647.731.448	(17.235.295.060)	(9.170.900.350)	284.327.913	579.797.574

(*) Phân loại trình bày khoản phải trả Ngân sách nhà nước về Quỹ dịch vụ viễn thông công ích sang Phải trả khác cho đúng tính chất.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.403.849.158	10.757.523.684
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	11.963.396.001	1.012.737.234
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	5.095.945.797	154.305.958
+ Các khoản phát sinh từ hợp nhất	6.867.450.204	858.431.276
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	42.367.245.159	11.770.260.918
Thu nhập tính thuế	42.367.245.159	11.770.260.918
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp từ thu nhập tính thuế trong năm	8.473.449.032	2.354.052.184
Thuế TNDN phải nộp từ thu nhập tính thuế trong năm được giảm 30% (*)	(2.542.034.708)	
Thuế TNDN nộp bổ sung của các năm trước	-	5.065.561
Tổng Thuế TNDN phải nộp trong năm	5.931.414.322	2.359.117.745

(*) Tập đoàn được giảm 30% Thuế TNDN phải nộp trong năm do thỏa điều kiện có tổng doanh thu nhỏ hơn 200 tỷ (theo quy định tại khoản 1, điều 2, Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ).

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chủ yếu là khoản phải trả phí thuê cơ sở hạ tầng.

Chi tiết gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí trích trước phí thuê hạ tầng Phú Mỹ Hưng	722.362.268	-
- Phí dịch vụ chuyên môn	104.400.000	208.800.000
- Chi phí phải trả khác	780.596.005	619.561.182
Cộng	1.607.358.273	828.361.182

15. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác**15a. Phải trả ngắn hạn khác**

Chi tiết gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả khác cho bên liên quan	-	-
Phải trả khác không phải là bên liên quan	2.141.050.911	1.813.016.322
- Quỹ viễn thông (*)	1.075.665.196	-
- Phải trả ngắn hạn khác	1.065.385.715	1.813.016.322
Cộng	2.141.050.911	1.813.016.322

(*) Là khoản phải trả cho Ngân sách nhà nước về khoản đóng góp Quỹ dịch vụ viễn thông công ích.

15b. Phải trả dài hạn khác

Chi tiết gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả khác cho bên liên quan	-	-
Phải trả khác không phải là bên liên quan	2.924.809.182	2.224.660.782
- Nhận ký quỹ của các hộ dân	2.924.809.182	2.224.660.782
Cộng	2.924.809.182	2.224.660.782

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

16. Vốn chủ sở hữu**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>				
Tại ngày 01/01/2019	30.000.000.000	3.313.379.689	-	33.313.379.689
Tăng trong năm	170.000.000.000	8.398.405.939	-	178.398.405.939
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	8.398.405.939	-	8.398.405.939
- Góp vốn trong năm	170.000.000.000	-	-	170.000.000.000
Giảm trong năm	-	(343.297.839)	-	(343.297.839)
Tại ngày 31/12/2019	200.000.000.000	11.711.785.628	-	211.711.785.628
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>				
Tại ngày 01/01/2020	200.000.000.000	11.711.785.628	-	211.711.785.628
Tăng trong năm	-	24.728.636.392	-	24.728.636.392
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	24.728.636.392	-	24.728.636.392
Tại ngày 31/12/2020	200.000.000.000	36.440.422.020	-	236.440.422.020

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết gồm:	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Công ty CP Phát triển Quang Thái	157.903.500.000	78,95	157.903.500.000	78,95
- Công ty TNHH Phát triển Vũ Hồng	9.250.200.000	4,63	9.250.200.000	4,63
- Lan, Wan-Chen	9.773.000.000	4,89	9.773.000.000	4,89
- Tsai, Hsiu-Li	9.523.000.000	4,76	9.523.000.000	4,76
- Các cổ đông khác	13.550.300.000	6,77	13.550.300.000	6,77
Cộng	200.000.000.000	100,00	200.000.000.000	100,00

Chi tiết Vốn chủ sở hữu của các cổ đông cập nhật tại ngày 31/12/2020.

16c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	30.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	170.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

16d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là <i>Vốn chủ sở hữu</i>)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

17. Tài khoản ngoài bảng**17a. Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trong vòng 01 năm	211.384.100	96.079.520
Cộng	211.384.100	96.079.520

17b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	109,30	2.513.354	109,30	2.485.482

17c. Kế hoạch đầu tư

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có kế hoạch đầu tư, đang trong quá trình xây dựng cơ bản:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	18.703.166.334	30.808.523.745

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chi tiết gồm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	284.572.727	5.109.045.877
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	97.973.686.014	21.938.540.059
Cộng	98.258.258.741	27.047.585.936

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	284.149.395	4.836.466.884
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	45.229.532.524	9.983.948.938
Cộng	45.513.681.919	14.820.415.822

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất)



0312
CÔ
CH NH
1 TOÁ
HƯA
- TP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. Doanh thu tài chính

Chi tiết gồm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	7.023.286.464	2.159.503.491
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	27.872	-
- Doanh thu tài chính khác	3.743.988	-
Cộng	<u>7.027.058.324</u>	<u>2.159.503.491</u>

4. Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	4.781.761.239	408.986.015
- Chi phí quảng cáo	2.721.920.587	-
- Các chi phí khác	828.869.372	201.721.479
Cộng	<u>8.332.551.198</u>	<u>610.707.494</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	8.676.573.987	1.839.599.715
- Chi phí dụng cụ văn phòng		11.128.515
- Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	-
- Dự phòng phải thu quá hạn, khó đòi	1.830.011.114	-
- Phân bổ lợi thế thương mại	6.867.450.204	858.431.276
- Các chi phí khác	4.354.801.946	92.521.171
Cộng	<u>21.732.837.251</u>	<u>2.801.680.677</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi thanh lý tài sản cố định	36.419.909	-
+ Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	36.419.909	-
+ Giá trị còn lại và chi phí thanh lý TSCĐ	-	-
- Thu nhập khác	788.459.225	165.697.941
Cộng	<u>824.879.134</u>	<u>165.697.941</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	236.701.287
+ Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	2.367.012.875
+ Giá trị còn lại và chi phí thanh lý TSCĐ	-	(2.603.714.162)
- Chi phí khác	121.984.351	85.854.584
Cộng	<u>121.984.351</u>	<u>322.555.871</u>

0312
CỔ
CỔ
ĐỊ
NHÃ
PHC
B
G
M
V
N
H

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	24.728.636.392	8.398.405.939
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.728.636.392	8.398.405.939
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	20.000.000	5.235.616
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	<u>1.236</u>	<u>1.604</u>

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	24.728.636.392	8.398.405.939
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.728.636.392	8.398.405.939
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	20.000.000	5.235.616
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	<u>1.236</u>	<u>1.604</u>

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên vật liệu	45.229.532.524	72.061.984
- Chi phí nhân công	13.458.335.226	3.563.514.321
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.209.706.647	36.557.156
- Phân bổ lợi thế thương mại	6.867.450.204	858.431.276
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	8.814.045.767	8.580.056.987
Cộng	<u>75.579.070.368</u>	<u>13.110.621.724</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Đơn vị tính: VNĐ)**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
- Lương	180.000.000	145.750.000
- Cổ tức	-	-
Cộng	180.000.000	145.750.000

2. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.728.636.392	8.398.405.939
Vốn chủ sở hữu đầu năm	211.711.785.628	33.313.379.689
Vốn chủ sở hữu cuối năm	236.440.422.020	211.711.785.628
Vốn chủ sở hữu bình quân trong năm	224.076.103.824	122.512.582.659
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	11,04%	6,86%

3. Báo cáo bộ phận**3.1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Năm nay

Lĩnh vực kinh doanh	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ
Bán hàng hóa	284.572.727	284.149.395	423.332
Cung cấp dịch vụ (viễn thông)	97.973.686.014	45.229.532.524	52.744.153.490
Cộng	98.258.258.741	45.513.681.919	52.744.576.822

Năm trước

Lĩnh vực kinh doanh	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ
Bán hàng hóa (cà phê)	5.109.045.877	4.836.466.884	272.578.993
Cung cấp dịch vụ (viễn thông)	21.938.540.059	9.983.948.938	11.954.591.121
Cộng	27.047.585.936	14.820.415.822	12.227.170.114

3.2. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động tạo ra doanh thu của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: CR3-16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo này có ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021.

Người lập biểu



NGUYỄN HẢI LINH

Kế toán trưởng



NGUYỄN HẢI LINH

Tổng Giám đốc



LAN, WAN-CHEN



TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
SUBMISSION TO ANNUAL GENERAL
MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2021

V/v: Thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

Ref: To approve the Report of the Board of Directors on the business performance in 2020

Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Securities Law No. 54/2019/QH14 on November 26th, 2019;
- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Enterprise Law No. 59/2020/QH14 on June 17th, 2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
Decree No. 155/2020/ND-CP on December 31st, 2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt ("Nhân hiệu Việt").
Charter of Viet Brand Invest Joint Stock Company ("Viet Brand").

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020, như sau:

Board of Directors of Viet Brand Invest Joint Stock Company would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders to approve the Report of the Board of Directors on the business performance in 2020, as follows:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PERFORMANCE OF THE BOARD OF DIRECTORS

1. Cơ cấu của Hội đồng quản trị (HĐQT)
Structure of the Board of Directors ("BOD")

Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt nhiệm kỳ 2017 - 2021 có 05 thành viên:

There are five (05) members of Board of Directors of Viet Brand Invest Joint Stock Company term 2017 – 2021:

Ông/Mr. Ho, Feng Tao

Chủ tịch HĐQT/Chairman of BOD

Bà/Ms. Lan, Wan-Chen

Thành viên HĐQT/Member of BOD

Bà/Ms. Hoàng Như Quỳnh	Thành viên HĐQT/Member of BOD
Ông/Mr. Lu, Hui-Hung	Thành viên HĐQT/Member of BOD
Ông/Mr. Shih Chien Sheng	Thành viên độc lập HĐQT/ Independent Member of BOD

2. Tổng kết các cuộc họp, nghị quyết và công tác giám sát của HĐQT năm 2020

Sum up meetings, resolutions and administration of BOD in 2020

- HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt hiện có năm (05) người gồm một (01) Chủ tịch và bốn (04) thành viên. HĐQT được ủy quyền thực hiện tất cả các nhiệm vụ và quyết định liên quan đến Công ty, ngoại trừ các quyền dành cho Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”). Các hoạt động của HĐQT được quy định theo Điều 27 của Điều lệ Công ty.

BOD of Viet Brand Invest Joint Stock Company consists of five (05) people, including one (01) Chairman and four (04) members. BOD is authorized to conduct all duties and decisions related to the Company, except for those rights reserved for the General Meeting of Shareholders. The activities of BOD are regulated in accordance with Article 27 of the Company Charter.

- Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp và thông qua 7 nghị quyết cũng như báo cáo liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

In 2020, the Board of Directors held 08 meetings and pass 7 resolutions as well as reports related to business activities of the Company.

- Các cuộc họp HĐQT đều có đủ số thành viên theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Các Nghị quyết và quyết định Hội đồng quản trị ban hành trên cơ sở ý kiến thống nhất của đa số thành viên Hội đồng quản trị.

The meetings of the Board of Directors had enough members in accordance with the provisions of law and the Charter of the Company. Resolutions and decisions of the Board of Directors were issued on the basis of the unanimous opinion of the majority of members of the Board of Directors.

- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành trong năm 2020 được thể hiện chi tiết tại Báo cáo quản trị của Công ty số 2501-001/BCQT-NHV.2021 ngày 25/01/2021 gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và được công bố trên Website của Công ty.

The resolutions and decisions of the Board of Directors issued in 2020 are detailed in the Corporate Governance Report No. 2501-001 / BCQT-NHV.2021 dated January 25, 2021 sent to the State Securities Commission, Hanoi Stock Exchange and published on the Company's Website.

II. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC

REMUNERATION, OPERATION EXPENSES AND OTHER BENEFITS

Thành viên HĐQT được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

Members of the BOD are entitled to receive remuneration for his/her work under the status of being a member of BOD. Total remuneration for BOD will be decided by the GMS. This remuneration will be shared for members of BOD as agreed by BOD or equally divided in case of no agreement.

Trong năm 2020, Công ty không thực hiện chia thù lao cho Hội đồng quản trị.

In 2020, the Company did not implement to pay remuneration to the Board of Directors.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM 2020 REVIEW OF THE BUSINESS PERFORMANCE IN 2020

Đơn vị tính: VNĐ

Unit: VND

Chỉ tiêu Items	Báo cáo tài chính hợp nhất/ Consolidated financial statement	Báo cáo tài chính riêng/ Seperate financial statement
Tổng tài sản Total Assets	282.442.902.551	204.517.339.257
Tổng nợ phải trả Total Liabilities	46.002.480.531	117.466.151
Vốn chủ sở hữu Owner's Equity	236.440.422.020	204.399.873.106
Doanh thu thuần Net Revenues	98.258.258.741	0
Lợi nhuận gộp Gross Profit	52.744.576.822	0
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh Operating Profit	29.700.954.375	1.216.797.688
Lợi nhuận sau thuế Profit After Tax	24.728.636.392	946.718.816

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2020:

Basic financial indicators in 2020:

Chỉ tiêu Indicators	Báo cáo tài chính hợp nhất/ Consolidated financial statement	Báo cáo tài chính riêng/ Seperate financial statement
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán <i>Liquidity indicators</i>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn Current Ratio	4,62	278,59

Hệ số thanh toán nhanh <i>Quick Ratio</i>	4,58	278,59
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn <i>Leverage indicators</i>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản <i>Debt/Total Assets</i>	0,16%	0,06%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu <i>Debt/Equity</i>	0,19%	0,06%
3. Chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động <i>Activity indicators</i>		
Vòng quay hàng tồn kho <i>Inventory Turnover</i>	49,42	-
Vòng quay tổng tài sản <i>Total assets turnover</i>	0,36	-
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời <i>Profitabilty indicators</i>		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần <i>Profit After Tax/Net Revenue Ratio</i>	25,17%	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân <i>Profit After Tax/Total Average Equity</i>	10,46%	0,46%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản <i>Profit After Tax/ Total Assets Ratio</i>	8,76%	0,46%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần <i>Operating Profit/Net Revenue Ratio</i>	30,23%	-
5. Chỉ tiêu về giá cổ phiếu (VNĐ) <i>Valuation indicators (VND)</i>		
Thu nhập trên mỗi cổ phiếu – cơ bản (EPS) <i>Earnings per Share – basic (EPS)</i>	1,236	-
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BPS) <i>Book Value per Share (BPS)</i>	11.822,02	-

- Năm 2020, các khoản đầu tư đã mang lại kết quả hoạt động kinh doanh ấn tượng cho Công ty và góp phần cải thiện khả quan tình hình tài chính qua tái cấu trúc vốn. Doanh thu thuần hợp nhất đạt 98,2 tỷ đồng trong năm 2020, tăng trưởng 363% so với năm 2019. Các chỉ số hợp nhất về khả năng sinh lời như Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân, Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần cũng đạt những kết quả thuận lợi lần lượt là 10,46% và 25,17%. Hơn nữa, các chỉ số về cơ cấu vốn ở mức thấp cho phép Công ty khai thác sức mạnh đòn bẩy tài chính để gia tăng lợi nhuận và tận dụng nguồn lực từ các ngân hàng và tổ chức tài chính.

In 2020, investments brought the Company impressive operational results and contributed to positive improvement of financial performance via capital restructuring. Consolidated net revenue reached VND 98.2 billion in 2020, an increase of 363% compared to 2019. Consolidated indicators of profitability such as Profit after Tax/Total Average Equity, Profit from operations/Net revenue also obtained favorable results, respectively 10.46% and 25.17%. Moreover, low capital structure indicators allow the Company to harness financial leverage to increase profits and utilize resources from banks and financial institutions.

- Trong năm nay, Công ty đã thu về lợi nhuận sau thuế đạt 24,7 tỷ đồng, tăng 294% so với năm 2019. Điều này thể hiện hoạt động kinh doanh của Công ty đã đạt được sự phát triển vượt bậc và Công ty sẽ tiếp tục hướng đến các kết quả tốt hơn trong thời gian tới.

In this year, the Company earned profit of after-tax VND 24.7 billion, increase 294% compared to 2019. This shows that the Company's business activities have achieved outstanding development and the Company will continue to aim for better results in the upcoming time.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ASSESSMENT OF BOD ON PERFORMANCE OF BOARD OF MANAGEMENT

- Căn cứ vào Điều lệ, các chính sách và quy trình đã ban hành, HĐQT ủy quyền cho Ban Tổng Giám đốc (“Ban TGD”) điều hành các công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, tổ chức thực hiện các quyết định chiến lược theo kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của HĐQT và ĐHĐCĐ giao cho.

Based on the Company Charter, policies, and procedures, the BOD authorizes the Board of Management (“BOM”) to run the daily business activities of the Company and to organize the implementation of strategic decisions in accordance with the business plans and operation directions assigned by the BOD and GMS.

- Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá rằng Ban TGD đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Through the mechanism of checking, supervising, and reporting quarterly on business performance, daily operational situation of the Company, and ad-hoc reports when required, BOD evaluates that BOM have implemented the assigned rights and duties in accordance with prevailing laws, the Company Charter, and resolutions of AGMS.

- Bên cạnh đó, HĐQT đã thực hiện các quyền và trách nhiệm được giao một cách thận trọng, chuyên nghiệp và liêm chính đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và các cổ đông. Ban TGD đã nỗ lực hết mình để thực hiện kế hoạch kinh doanh do các cổ đông đề ra trong ĐHĐCĐ thường niên năm vừa rồi.

Moreover, BOD has implemented the assigned rights and responsibilities with care, professionalism, and integrity to ensure the maximum legal benefits of the Company and shareholders. BOM made a lot of effort to implement the business plans set by the shareholders in the AGMS last year.

- HĐQT tin tưởng và sẽ tiếp tục giao cho Ban TGD những mục tiêu cao hơn để dần đưa Công ty đạt được nhiều thành tựu hơn trong thời gian tới.

The BOD trusts and will continue to assign the BOM higher targets to gradually bring the Company to achieve more achievements in the upcoming time.

V. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ PLANS, ORIENTATIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS

Mặc dù còn nhiều thách thức đến từ đại dịch Covid-19, Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt đã thực hiện thành công các mục tiêu đề ra cho năm 2020. Trong năm 2021, Công ty đặt mục tiêu tập trung hơn vào phát triển mảng kinh doanh hiện tại, đồng thời tìm kiếm thêm cơ hội đầu tư. Biết rằng đại dịch Covid-19 đã thay đổi nghiêm trọng hiểu biết của chúng ta về cuộc sống ở nhiều khía cạnh như làm việc, mua sắm và tương tác xã hội, ABR đã chuẩn bị để tìm kiếm động lực tăng trưởng tiếp theo trong thế giới mới này. Để đạt được mục tiêu này, HĐQT thực hiện:

Although there are many challenges originated from the Covid-19 pandemic, Viet Brand Invest JSC has successfully realized the goals set for 2020. In 2021, the Company aims to be more focused on developing its current core business and, at the same time, to find out more investment opportunities. Knowing that the Covid-19 pandemic has radically changed our understanding about life in many dimensions such as working, shopping, and social interaction, ABR has prepared to search for the next growth driver in this new world. To achieve these targets, the BOD implements:

- Chỉ đạo công tác nghiên cứu nhằm đưa ra các phân tích về các thương hiệu để đưa ra những quyết định đầu tư phù hợp với định hướng phát triển chung của Công ty
Directing research to provide analysis of brands to make investment decisions consistent with the general development orientation of the Company.
- Chỉ đạo công tác đầu tư, tập trung vào việc mua lại các công ty có lợi nhuận, với kinh nghiệm thực tiễn, khả năng tài chính mạnh, tiềm năng phát triển lớn và kết quả hoạt động tốt trong các ngành công nghiệp cân bằng;
To direct the investment, focusing on the acquisition of profitable companies, with practical experience, strong financial capacity, great development potential, and good performance in mature industries;
- Chỉ đạo thực hiện tốt nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị qua các kỳ họp. Chỉ đạo các hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật có liên quan;
To direct the good implementation of the resolutions of the GMS and the resolutions of the BOD across the meetings. Directing the business activities of the Company in compliance with the provisions of relevant laws;
- Chỉ đạo việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
To direct the organization of the AGMS in accordance with the provisions of the Law on Enterprise and the Company Charter;
- Tăng cường giám sát và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện công tác sản xuất kinh doanh theo đúng định hướng kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua;
To strengthen supervision and direction for the BOM to implement operational activities in accordance with the plan orientation approved by the GMS;

- Chỉ đạo thực hiện Công bố thông tin theo đúng quy định của luật chứng khoán áp dụng cho công ty đại chúng;

To direct the implementation of information disclosure in accordance with the provisions of the Law on Securities applicable to public companies;

- Tích cực nghiên cứu, đổi mới phương pháp làm việc, xây dựng những giải pháp kinh doanh mới, tinh gọn bộ máy nhân sự, nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, khẳng định vị thế của Công ty.

To actively research, innovate working methods, build new business solutions, streamline personnel apparatus in order to improve business performance, and affirm the position of the Company.

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua.

Board of Directors would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders of 2021 to consider to approve.

Trân trọng.

Best regards.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
CHAIRMAN OF BOARD OF DIRECTORS**



CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT
*VIET BRAND INVEST
JOINT STOCK COMPANY*

---o0o---

Số: 2203-.../TTr-BKS.2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
*SOCIAL REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness*

---o0o---

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2021
Ho Chi Minh City, March 22nd, 2021

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
*SUBMISSION TO ANNUAL GENERAL
MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2021***

V/v: Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động Công ty năm 2020

Ref: To approve the Report of the Board of Supervisors on the business performance in 2020

Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Securities Law No. 54/2019/QH14 on November 26th, 2019;
- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Enterprise Law No. 59/2020/QH14 on June 17th, 2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
Decree No. 155/2020/ND-CP on December 31st, 2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt ("Nhãn hiệu Việt").
Charter of Viet Brand Invest Joint Stock Company ("Viet Brand").

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động Công ty năm 2020, như sau:

Board of Supervisors (BOS) of the Company reports on the assessment of business performance of the Company in 2020 as follows:

1. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

SUM UP MEETINGS OF BOARD OF SUPERVISORS IN 2020

BKS Công ty hiện có 03 (ba) người gồm 01 (một) Trưởng ban và 02 (hai) thành viên. Các hoạt động của BKS được quy định theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều 39 của Điều lệ Công ty.

BOS of the Company consists of 03 (three) people, including one (01) Head and 02 (two) members. The activities of BOS are regulated under Article 165 of Enterprises Law 2014 and Article 39 of the Company Charter.

Trong năm 2020, BKS tổ chức 02 (hai) cuộc họp, các công việc cụ thể như sau:

In 2020, BOS held 02 (two) meetings, specific duties are as follows:

- a. Thông qua Báo cáo của BKS về tình hình hoạt động năm 2019 đến cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020;

To approve the Report of BOS on the business performance in 2019 to the AGMS of 2020;



- b. Thông qua Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán trong năm 2020 đến cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020;
To approve the Submission for approval on Selection for Auditor in 2020 to the AGMS of 2020;
- c. Soát xét Báo cáo tài chính kiểm toán cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020;
To review Audit Financial Statements for the six-month period ended June 30th, 2020;
- d. Soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc ngày 30/09/2020;
To review Financial Statements for the nine-month period ended September 30th, 2020;
- e. Báo cáo về Tình hình thực hiện so với kế hoạch.
To report the Implementation compared to the plan.

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH NĂM 2020

BUSINESS PERFORMANCE AND FINANCIAL SITUATION IN 2020

BKS xác nhận số liệu về tình hình tài chính của Công ty trong Báo cáo tài chính năm 2020 đã phản ánh trung thực và hợp lý.

BOS confirms the data on the financial situation of the Company in the Financial Statements of 2020 has reflected truthfully and reasonably.

3. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC

REMUNERATION, OPERATION EXPENSES AND OTHER BENEFITS

- Tổng mức thù lao cho các thành viên BKS theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ). Thành viên của BKS cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của BKS hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Total remuneration for members of BOS is determined by the General Meeting of Shareholders (GMS). Members of BOS will also be reimbursed for travel, hotel and other expenses reasonably incurred when they attend meetings of BOS or are related to business operations of the Company.

- Trong năm 2020, Công ty không chi trả thù lao cho Ban Kiểm soát
In 2020, Company did not pay remuneration for Board of Supervisors.

4. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT NHÀ NƯỚC VÀ QUY ĐỊNH CÔNG TY

IMPLEMENTATION OF STATE LAW AND COMPANY REGULATIONS

Công ty tuân thủ đúng với những quy định trong Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và những quy định khác của Nhà nước, cụ thể là:

The Company complies with the provisions of the Securities Law, Enterprise Law and other regulations, namely:

- a. Về công bố thông tin: đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 06/10/2015.
On information disclosure: meeting the requirements as prescribed in Circular 155/2015/TT-BTC issued by the Ministry of Finance dated October 6th, 2015.

- b. Về quản trị công ty đại chúng: đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 06/06/2017, và Thông tư 95/2017/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 22/09/2017.

On corporate governance for public companies: meeting the requirements as prescribed in Decree 71/2017/NĐ-CP issued by the Government dated June 6th, 2017, and Circular 95/2017/TT-BTC issued by the Ministry of Finance dated September 22nd, 2017.

- c. Những quy định khác như quy định đối với công ty đại chúng quy mô lớn và quy định về thuế và sử dụng lao động cũng được tuân thủ nghiêm chỉnh và đầy đủ.

Other regulations such as those applicable to large-scale public companies and regulations on taxes and employment are also strictly and fully complied with.

5. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT) VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (BAN TGD)

BUSINESS PERFORMANCE OF THE BOARD OF DIRECTORS (BOD) AND BOARD OF MANAGEMENT (BOM)

- a. HĐQT thường xuyên giám sát Ban TGD trong việc thực hiện các Nghị quyết, kế hoạch kinh doanh đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua. Việc giám sát công tác điều hành quản lý của HĐQT đã đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, theo đúng định hướng Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

BOD regularly supervises BOM in implementing Resolutions and business plans approved by BOD and GMS. The supervision of the management and administration of BOD has ensured that the business operations of the Company comply with the provisions of law, in accordance with the orientation of Resolutions of GMS.

- b. Báo cáo quản trị của HĐQT đã phản ánh đầy đủ, trung thực các khía cạnh hoạt động cũng như công tác chỉ đạo, điều hành Công ty.

The report on corporate governance of BOD reflects fully and honestly the operational aspects as well as the direction and administration of the Company.

- c. Ban TGD căn cứ các Nghị quyết, quyết định của HĐQT để triển khai nhiệm vụ, đưa ra các quyết sách kịp thời, phù hợp với từng điều kiện cụ thể.

BOM bases on the Resolutions and decisions of BOD to implement the tasks and make decisions in a timely manner, suitable for each specific condition

6. TÌNH HÌNH PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

COORDINATION SITUATION OF OPERATIONS BETWEEN THE BOARD OF SUPERVISORS AND BOARD OF DIRECTORS, BOARD OF MANAGEMENT, AND SHAREHOLDERS

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT, Ban TGD của Công ty được thực hiện chặt chẽ theo sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ. BKS được cung cấp các văn bản, tài liệu cần thiết trong quá trình giám sát việc chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT, Ban TGD.

The coordination of operations between BOS and BOD, BOM of the Company is strictly implemented in accordance with the Resolutions of GMS. BOS is provided with necessary text and documents in the process of supervising the direction and administration of business operations of BOD and BOM.



7. NHẬN XÉT CỦA BAN KIỂM SOÁT

COMMENTS OF THE BOARD OF SUPERVISORS

- a. Ban TGD đã chấp hành các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, và nhìn chung, hoàn thành nhiệm vụ trên cơ sở mang lại lợi ích cho Công ty.

BOM has implemented the Resolutions of GMS, and, in general, fulfilled its tasks on the beneficial basis for the Company.

- b. Trong năm tài chính 2020, Công ty đã nghiêm túc chấp hành và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành và không có khiếu nại của cổ đông đối với hoạt động của Công ty.

In fiscal year of 2020, the Company has strictly implemented and complied with the current provisions of law and there are no complaint of the shareholders on the operations of the Company.

- c. Công ty đã hoàn chỉnh công tác kiểm soát nội bộ luôn đi vào nề nếp với một phương hướng đúng đắn và đảm bảo Công ty phát triển bền vững lâu dài.

The company has completed the internal controls, always goes into order with the right direction and ensures long-term sustainable development of the Company.

Ban Kiểm soát kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua.

Board of Supervisors would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders of 2021 to consider to approve.

Trân trọng./ Best regards.

TM. BAN KIỂM SOÁT/

ON BEHALF OF BOARD OF SUPERVISORS

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT/

HEAD OF BOARD OF SUPERVISORS



LIEW SEP SIANG

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
SUBMISSION TO ANNUAL GENERAL
MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2021

V/v: Thông qua Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2020
Ref: To approve the Report on Corporate governance in 2020

Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Securities Law No. 54/2019/QH14 on November 26th, 2019;
- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Enterprise Law No. 59/2020/QH14 on June 17th, 2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt ("Nhãn hiệu Việt").
Charter of Viet Brand Invest Joint Stock Company ("Viet Brand").

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2020.

Board of Directors of Viet Brand Invest Joint Stock Company would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders to approve the Report on corporate governance in 2020.

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua./

Board of Directors would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders of 2021 to consider to approve.

Trân trọng./ *Best regards.*

Đính kèm/ Enclosure:

1. Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2020./ *Report on corporate governance in 2020.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS**
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
CHAIRMAN OF BOARD OF DIRECTORS**


HQ, FENG TAO

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25.01./BCQT./NH.V./2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2021

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT**

(Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT**
- Trụ sở chính : CR3 – 16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 54138366 Fax: 028 54138370
- Vốn điều lệ : 200.000.000.000 đồng
- Mã chứng khoán : **ABR**
- Mô hình quản trị công ty : Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ : Chưa thực hiện

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông (Năm 2020)

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
	Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2020 số 1905/NQ-DHĐCĐ.2020	19/05/2020	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán Riêng lẻ và Hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31/12/2019;- Thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020;- Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019- Thông qua Báo cáo về tình hình quản trị công ty năm 2019;- Thông qua Báo cáo về tình hình sử dụng vốn đã kiểm toán của đợt phát hành riêng lẻ năm 2019 của Công ty;- Thông qua Kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2020;- Thông qua Dự toán ngân sách của Công ty trong năm 2020;- Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt làm đơn vị kiểm toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt năm 2020;- Thông qua tờ trình về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty;- Thông qua việc sửa đổi Điều Lệ Công ty;- Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty;- Thông qua Sơ đồ tổ chức của Công ty.

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2020)

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị :

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Ho, Feng Tao	Chủ tịch	14/06/2019	-
2	Bà Lan, Wan-Chen	Thành viên	14/06/2019	-
3	Bà Hoàng Như Quỳnh	Thành viên	14/06/2019	-
4	Ông Lu, Hui-Hung	Thành viên	14/06/2019	-
5	Ông Shih Chien Sheng	Thành viên độc lập	14/06/2019	-

2. Các cuộc họp HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Ho, Feng Tao	8/8	100%	-
2	Bà Lan, Wan-Chen	8/8	100%	-
3	Bà Hoàng Như Quỳnh	8/8	100%	-
4	Ông Lu, Hui-Hung	8/8	100%	-
5	Ông Shih Chien Sheng	8/8	100%	-

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

- HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Bên cạnh việc thảo luận, trao đổi tại các cuộc họp định kỳ, HĐQT còn thường xuyên trao đổi qua điện thoại, thư điện tử cũng như các Phương tiện thông tin khác về tình

hình chiến lược, kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh, việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ và mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã đề ra trong năm;

- Về tổng thể, công tác giám sát đối với Ban điều hành nói chung được duy trì có hệ thống và chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, thỏa mãn các vấn đề về hoạt động sản xuất – kinh doanh, tài chính và tuân thủ;
- Các cấp quản lý đã nỗ lực, sáng tạo và chủ động công việc nhằm đạt được những kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra.

4. Hoạt động của tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có): Không áp dụng.

5. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2020)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	2101-001/NQ-HĐQT.2020	21/01/2020	Thông qua Báo cáo tình hình quản trị của Công ty năm 2019	100%
2	1303-001/NQ-HĐQT.2020	13/03/2020	Thông qua Ngày Đăng ký cuối cùng, ngày tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông (ĐHĐCĐ) thường niên.	100%
3	1903-001/NQ-HĐQT.2020	19/03/2020	Thông qua việc thay đổi Ngày Đăng ký cuối cùng và ngày tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông (ĐHĐCĐ) thường niên.	100%
4	0904-001/NQ-HĐQT.2020	09/04/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua chương trình Nghị sự và các tài liệu sử dụng cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2020; - Thông qua tờ trình về Báo cáo kết quả tăng vốn đến ĐHĐCĐ thường niên năm 2020; - Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán Riêng lẻ và Hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31/12/2019 và trình đến ĐHĐCĐ thường niên năm 2020; - Thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 và trình đến ĐHĐCĐ thường niên năm 2020; 	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua tờ trình về Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2019 đến ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 như đính kèm; - Thông qua Báo cáo về tình hình sử dụng vốn đã kiểm toán của đợt phát hành riêng lẻ năm 2019 của Công ty và trình đến ĐHĐCĐ thường niên năm 2020; - Thông qua tờ trình về Kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2020 đến ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 như đính kèm; - Thông qua Dự toán ngân sách của Công ty năm 2020 và trình đến ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 như đính kèm; - Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt làm đơn vị kiểm toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt năm 2020 và thông qua tờ trình về việc lựa chọn Kiểm toán năm 2020 đến ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 như đính kèm; - Thông qua việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty và trình việc thay đổi ngành nghề này đến ĐHĐCĐ thường niên năm 2020; - Thông qua việc tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty lên 100% và trình việc tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài này đến ĐHĐCĐ thường niên năm 2020; - Thông qua Điều lệ sửa đổi; - Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty; - Thông qua Sơ đồ tổ chức Công ty. 	
5	2404-001/NQ-HĐQT.2020	24/04/2020	Thông qua việc thay đổi thời gian tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt.	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
6	0805/NQ-HĐQT.2020	08/05/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc điều chỉnh nội dung của các tờ trình Đại Hội Đồng Cổ Đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2020; - Thông qua việc bỏ nội dung tờ trình về việc tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty lên 100% ra khỏi Chương trình nghị sự ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và việc sửa đổi các tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 liên quan đến việc bỏ tờ trình này. 	100%
7	3012/NQ-HĐQT.2020	30/12/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021. 	100%

III. Ban kiểm soát (Báo cáo năm 2020)

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS		Trình độ chuyên môn
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
1	Ông Liew Sep Siang	Trưởng ban	29/07/2019		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh và CPA - Úc
2	Ông Lo, Nai-Wei	Kiểm soát viên	14/06/2019		Cử Nhân Luật
3	Bà Tsai, Hsiu-Li	Kiểm soát viên	14/06/2019		Thạc sĩ Kế toán

2. Cuộc họp của BKS:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Liew Sep Siang	2/2	100%	100%	
2	Ông Lo, Nai-Wei	2/2	100%	100%	
3	Bà Tsai, Hsiu-Li	2/2	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Ban điều hành trong kỳ đã thực hiện đúng nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ trung thực, hợp pháp của báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính 6 tháng, 1 năm.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Ban Kiểm soát đã tham gia các cuộc họp làm việc với công ty kiểm toán để giám sát hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019.
 - Đồng thời, Ban Kiểm soát thực hiện các hoạt động kiểm tra, đánh giá về tình hình công nợ cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty con.
 - Bên cạnh đó, các thành viên Ban Kiểm soát luôn lắng nghe ý kiến góp ý, tâm tư nguyện vọng của cán bộ, nhân viên Công ty khi họ có yêu cầu hoặc đề xuất, đồng thời sẵn sàng lắng nghe, tiếp thu ý kiến đóng góp của cổ đông.
5. Hoạt động khác của BKS: Không có.

IV. Ban điều hành

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm thành viên Ban điều hành
1	Bà Lan, Wan-Chen	06/01/1972	Thạc sỹ	14/06/2019

V. Kế toán trưởng

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày bổ nhiệm
Nguyễn Hải Linh	03/09/1989	Cử nhân	12/06/2019

VI. Đào tạo về quản trị công ty

- Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo năm 2020) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

1. Danh sách về người có liên quan của công ty:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
I	Hội đồng quản trị								
1	Ông Ho, Feng Tao		Chủ tịch HDQT			29/07/2019			Người nội bộ
2	Bà Lan, Wan-Chen		Thành viên HDQT			14/06/2019			Người nội bộ
3	Bà Hoàng Như Quỳnh		Thành viên HDQT			14/06/2019			Người nội bộ
4	Ông Lu, Hui-Hung		Thành viên HDQT			14/06/2019			Người nội bộ
5	Ông Shih Chien Sheng		Thành viên HDQT độc lập			14/06/2019			Người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
II Ban Tổng Giám đốc									
1	Bà Lan, Wan-Chen		Tổng Giám đốc			12/06/2019			Người nội bộ
III Ban kiểm soát									
1	Ông Liew Sep Siang		Trưởng Ban Kiểm Soát			29/07/2019			Người nội bộ
2	Bà Tsai, Hsiu-Li		Kiểm soát viên			14/06/2019			Người nội bộ
3	Ông Lo, Nai-Wei		Kiểm soát viên			14/06/2019			Người nội bộ
IV Kế toán trưởng									
2	Nguyễn Hải Linh		Kế toán trưởng			12/06/2019			Người nội bộ
V Người được ủy quyền công bố thông tin									
1	Bà Lan, Wan-Chen		Thành viên HĐQT –			12/06/2019			Người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
			Tổng Giám đốc						
VI	Tổ chức có liên quan								
1	Công ty TNHH Một thành viên Thương Mại Dịch Vụ Cuộc Sống Mới			0307382140 cấp lần đầu ngày 17/02/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 27/11/2019	Tầng 2, CR3-16, số 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	15/11/2019			Công ty con
2	Công ty Cổ Phần Phát Triển Quang Thái			0312974093 cấp lần đầu ngày 16/10/2014, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 26/04/2019	Tầng 2, Tòa nhà Crescent Residence 3, số 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	10/06/2019			Cổ đông lớn và tổ chức có liên quan của người nội bộ
3	Công ty TNHH Phát Triển Vũ Thịnh			0313768544 cấp ngày 21/04/2016	Phòng 03C số 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	10/06/2019			Tổ chức có liên quan của người nội bộ

Ghi chú/Note: số Giấy NSH: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).*

- Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có.
- Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có.

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

4.1 Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có.

4.2 Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành: Không có.

4.3 Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác: Không có.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm 2020)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
I	Người có liên quan của HĐQT							
1	Ho, Feng Tao		Chủ tịch HĐQT			-	-	
1.1	Ho, Tsung-Min					-	-	Bố
1.2	Ho, Yao Hsiu-Mei					-	-	Mẹ
1.3	Ho, Li Yun					-	-	Chị

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1.4	Ho, Li Feng					-	-	Chị
1.5	Ho, Li Shin					-	-	Chị
1.6	Ho, Ah-Chi					-	-	Chị
1.7	Ho, Feng Da					-	-	Anh
1.8	Ho, Feng Wen					-	-	Chị
2	Lan, Wan-Chen		Thành viên HĐQT			977.300	4,89%	
2.1	Lan, Hsiao Cheng					-	-	Bố
2.2	Tseng, Yi Hui					-	-	Mẹ
3	Hoàng Như Quỳnh		Thành viên HĐQT			100	0,0005%	
3.1	Hoàng Văn Bốn					-	-	Bố
3.2	Phạm Thị Định					-	-	Mẹ
3.3	Hoàng Thùy Linh					-	-	Chị

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
3.4	Trần Ngọc Tiệp					-	-	Chồng
3.5	Trần Hoàng Ngọc Diệp					-	-	Con gái
3.6	Công ty TNHH Phát Triển Vũ Thịnh		Giám đốc			730.050	3,65%	
4	Lu, Hui-Hung		Thành viên HĐQT			-	-	
4.1	Chan, Hsiu-Chin					-	-	Mẹ
4.2	Vòng Tiên An					-	-	Vợ
4.3	Lưu Vũ Thiệu					-	-	Con trai
4.4	Lưu Nhược Thanh					-	-	Con gái
4.5	Công ty Cổ Phần Phát Triển Quang Thái		Chủ tịch HĐQT			15.790.350	78,95%	
5	Shih Chien Sheng		Thành viên HĐQT độc lập			-	-	

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
5.1	Shih Yen Shan					-	-	Bố
5.2	Wang Yue Ying					-	-	Mẹ
5.3	Shih Chien Bang					-	-	Anh
5.4	Stephanie Ng Geok Lian					-	-	Vợ
5.5	Isaac Shih Jin Wei					-	-	Con
5.6	Leia Shih Qiao Yi					-	-	Con
II	Người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát							
1	Liew Sep Siang		Trưởng Ban Kiểm Soát			-	-	
1.1	Liew Ee Khong					-	-	Bố
1.2	Lee Yeak Leak					-	-	Mẹ
1.3	Liew Sep Leng					-	-	Anh
1.4	Liew Chin Hui					-	-	Chị
1.5	Liew Sep Yong					-	-	Em

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1.6	Chu Zi Yan					-	-	Vợ
2	Tsai, Hsiu-Li		Thành viên Ban Kiểm Soát			952.300	4,76%	
2.1	Tsai, Fu-Cheng					-	-	Bố
2.2	Wong A-Mien					-	-	Mẹ
3	Lo, Nai-Wei		Thành viên Ban Kiểm Soát			-	-	
3.1	Tsai, Hsiu Feng					-	-	Mẹ
III	Người có liên quan của Ban Tổng Giám đốc							
1.	Lan, Wan-Chen		Xem mục 2 phần HĐQT					
IV	Người có liên quan của Kế toán trưởng							

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Nguyễn Hải Linh		Kế toán trưởng			-	-	
1.1	Phạm Thị Lâm					-	-	Mẹ
1.2	Nguyễn Hải Thiện					-	-	Em trai

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: Không có.

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT



HO, FENG TAO
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 2203-05../TTr-HĐQT.2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2021
Ho Chi Minh City, March 22nd, 2021

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
SUBMISSION TO ANNUAL GENERAL
MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2021**

V/V: Thông qua Kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2021
Ref: To approve the Business plan of the Company in 2021

Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Securities Law No. 54/2019/QH14 on November 26th, 2019;
- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Enterprise Law No. 59/2020/QH14 on June 17th, 2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt (“Nhân hiệu Việt”).
Charter of Viet Brand Invest Joint Stock Company (“Viet Brand”).

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua Kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2021.

Board of Directors of Viet Brand Invest Joint Stock Company would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders to approve the Business plan of the Company in 2021.

I. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN/ BUSINESS ORIENTATION

Định hướng phát triển chung/ Overall business orientation

Mặc dù còn nhiều thách thức đến từ đại dịch Covid-19, Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt (ABR) đã thực hiện thành công các mục tiêu đề ra cho năm 2020. Trong năm 2021, Công ty đặt mục tiêu tập trung hơn vào phát triển mảng kinh doanh hiện tại, đồng thời tìm kiếm thêm cơ hội đầu tư. Biết rằng đại dịch Covid-19 đã thay đổi nghiêm trọng hiểu biết của chúng ta về cuộc sống ở nhiều khía cạnh như làm việc, mua sắm và tương tác xã hội, ABR đã chuẩn bị để tìm kiếm động lực tăng trưởng tiếp theo trong thế giới mới này.

Although there are many challenges originated from the Covid-19 pandemic, Viet Brand Invest JSC (ABR) has successfully realized the goals set for 2020. In 2021, the Company aims to be more focused on developing its current code business and, at the same time, to find out more investment opportunities. Knowing that the Covid-19 pandemic has ratically changed our understanding



about life in many dimensions such as working, shopping, and social interaction, ABR has prepared to search for the next growth driver in this new world.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI/ FUTURE DEVELOPMENT PLAN

Đầu tư nhãn hiệu và Đại lý thương hiệu/ Brand Investment and Brand Agent

Ngày nay, công nghiệp hóa hiện đại hóa đang dần phát triển, người tiêu dùng có xu hướng tìm kiếm mua sắm tại các kênh thương mại điện tử. Điều này khiến việc định vị thương hiệu trên các kênh thương mại điện tử đang trở thành chiến lược để giúp các thương hiệu này giành được thị phần và đi trước so với đối thủ cạnh tranh. Nhu cầu cho sự mua sắm tiện lợi theo hướng “không có sự tiếp xúc” đang ngày càng gia tăng. Do đó, Công ty cảm thấy khá lạc quan trước quyết tâm chuyển mục tiêu đầu tư vào các nhãn hiệu có lợi thế cạnh tranh tốt hơn trên các kênh thương mại điện tử trong tương lai.

Nowadays, industrialization and modernization are developing gradually, consumers tend to look for shopping in e-commerce channels. This makes brand positioning in e-commerce channels become a strategy to help these brands gain market share and stay ahead of competitors. The demand for convenient shopping in the direction of “no exposure” is increasing. Therefore, the Company feels quite optimistic about the determination of shifting the investment targets in the brands which have better competitive advantage in e-commerce channels in the future.

Khó khăn là điều có thể nhìn thấy trước, nhưng cơ hội tiềm năng đang dần hé mở trong nhiều ngành dịch vụ là rất dồi dào. Khi đối mặt với tác động trực tiếp và tức thời từ sự tiên tiến của công nghệ, các doanh nghiệp bán lẻ đang buộc phải đẩy nhanh quá trình tái cấu trúc và học cách đứng vững trên việc xây dựng thương hiệu trong các kênh bán lẻ ảo. Chúng tôi nghĩ rằng đây là một điều cực kỳ tốt để phát triển hoạt động kinh doanh đại lý thương hiệu của chúng tôi. Việc đưa các tên thương hiệu nhỏ lẻ cũng như nổi tiếng đến với người tiêu dùng sẽ là động lực tăng trưởng mới giúp Công ty nâng cao lợi nhuận và quy mô hoạt động ngoài mong đợi.

Difficulties are foreseeable, but potential opportunities, which are sprouting sporadically in many service sectors, are abundant. As facing the direct and instant impact from the advance of technology, retail businesses are forcing to speed up the pace of restructuring and to learn how to stand firmly on branding in virtual retail channels. We think this is an extremely good thing to to develop our brand agent business. The introduction of small and well-known brand names to consumers will be the new growth engine to help the Company improve profitability and scale of operations beyond expectations.

Với kinh nghiệm dày dặn tại thị trường Việt Nam cùng với sự chuyên nghiệp hóa trong hoạt động M&A, Công ty tự tin trong việc phân tích, mua lại và phát triển các nhãn hiệu doanh nghiệp bán lẻ hàng tiêu dùng thiết yếu, từ đó gắn kết thương hiệu của sản phẩm với thương hiệu của nhà bán lẻ, tạo nên hiệu ứng tốt cho kết quả hoạt động kinh doanh.

With extensive experience in the Vietnamese market and professionalization in M&A activities, the Company is confident in analyzing, acquiring and developing brand names of essential consumer

goods retail businesses, thereby associating the product's brand name with the retailer's brand name, creating a good effect for operational results.

Đầu tư nhãn hiệu và Đại lý thương hiệu, trong những năm tới được kỳ vọng sẽ mang lại nguồn lợi đáng kể cho Công ty, giúp Công ty thuận lợi hơn trên đà tăng trưởng dài hạn.

Brand Investment and Brand Agent, in the following couple years, are expected to bring a significant benefit for the Company and help the Company to be more favorable on long-term growth momentum.

Bên cạnh đó, Công ty vẫn sẽ tiếp tục tìm kiếm và gia nhập các doanh nghiệp có lợi nhuận và có khả năng hồi phục tốt sau hệ quả của đại dịch Covid-19.

In addition, the Company will continue to find and join businesses that are profitable and able to recover well from the aftermath of the Covid-19 pandemic.

Tuân thủ pháp luật/ Compliance with laws

Tuân thủ quy định pháp luật là một trong những tiêu chí hàng đầu, là kim chỉ nam trong việc định hướng hoạt động của Công ty. Với những đặc thù của Công ty cổ phần hoạt động trong ngành đầu tư, những hoạt động của Công ty đều chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, v.v.... Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Đặc biệt, ngày 01/01/2021 Luật Chứng khoán 2019 và Luật Doanh nghiệp 2020 sẽ bắt đầu có hiệu lực thi hành. Vì vậy, để thích nghi và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh do sự thay đổi các Luật và văn bản dưới Luật trong tương lai, Ban Lãnh đạo Công ty luôn chủ động sát sao theo dõi nhằm nắm bắt kịp thời và tránh làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Compliance with laws is one of the top criteria and a guideline in the direction of the Company. With the characteristics of a joint stock company operating in the investment industry, the operations of the Company are governed by the Securities Law, the Enterprises Law, the Tax Law, etc. Law systems and sub-law documents of Vietnam is still in the process of completion, a change in policy may occur and when it happens, it will more or less affect the business operations of the Company. In particular, on January 1st, 2021, the Securities Law 2019 and the Enterprise Law 2020 will take effect. Therefore, in order to adapt and promptly handle problems arising due to the future changes of Laws and sub-law documents, the Board of Management of the Company always actively follow up to timely grasp and avoid affect operational activities of the Company.

Quản lý, công tác tổ chức/ Management and organization works

Tiếp tục sắp xếp bộ máy tổ chức, tinh gọn nhân sự để tăng năng suất lao động và thu nhập cho người lao động.

Continuing to arrange the organizational structure, streamline personnel to increase labor productivity and income for employees.

Tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại cán bộ đáp ứng đủ nguồn nhân lực cho Công ty.

Strengthening the training and retraining of employees to meet the sufficient human resources for the Company.

Xây dựng và tổ chức thực hiện công tác "Văn hóa doanh nghiệp".

Building and implementing the work "Corporate culture".

Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, sửa đổi các quy định, quy chế, quy trình phù hợp.

Regularly reviewing, adjusting and amending the appropriate regulations, rules and processes.

Nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành của cán bộ lãnh đạo chủ chốt, tăng cường công tác đoàn kết nội bộ.

Improving leadership and executive capacities of key leaders, strengthening internal solidarity.

Phát triển nguồn nhân lực/ Human resources development

Công ty chú trọng việc xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc lành mạnh nhằm tạo điều kiện cho người lao động có thể phát huy tốt nhất khả năng của mình. Công tác tuyển dụng được thực hiện theo quy trình chặt chẽ nhằm tuyển chọn nhân sự đúng yêu cầu đưa ra, đảm bảo lực lượng lao động ổn định, chất lượng cao và đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty ưu tiên tuyển chọn những cá nhân có năng lực, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh.

The Company focuses on building a personnel policy and healthy working environment in order to create conditions for employees to best maximize their abilities. Recruitment is done according to a strict process in order to select the right personnel to the given requirements, to ensure a stable, high-quality workforce and meet the requirements of operational activities of the Company. In addition, the Company prioritizes the selection of qualified individuals to meet the needs of expanding the operations.

Tiếp tục tổ chức các khóa đào tạo nội bộ ngắn hạn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật công nghệ, quy trình làm việc mới.

Continuing to organize short-term internal training courses to improve professional qualifications, update technologies and new working processes.

Đối với đội ngũ cán bộ quản lý, Công ty sẽ tổ chức khóa đào tạo nâng cao kiến thức, trau dồi kỹ năng chuyên môn; tiếp cận và ứng dụng các phương pháp quản lý tiên tiến.

For a team of management employees, the Company will organize training courses to improve knowledge, improve professional skills, approach and apply advanced management methods.

Tài chính/ Finance

Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, tài sản; đảm bảo tính minh bạch và công khai tài chính.

Managing and using effectively capital and assets; ensuring financial transparency and disclosure.

Báo cáo tài chính được thực hiện đúng nội dung và thời hạn quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

Financial statements are made in strict compliance with the content and time limit prescribed by the State Securities Commission and the Stock Exchange.

Tìm kiếm đối tác trong và ngoài nước có tiềm lực tài chính mạnh để đồng hành với Công ty phát triển nhanh các dự án có tiềm năng và quy mô lớn.

Looking for domestic and foreign partners with strong financial potentials to accompany the Company to quickly develop large-scale and potential projects.

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua.
Board of Directors would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders of 2021 to consider to approve.

Trân trọng.
Best regards.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
CHAIRMAN OF BOARD OF DIRECTORS**


HO FENG TAO



TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
SUBMISSION TO ANNUAL GENERAL
MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2021

V/v: **Dự toán ngân sách tài chính năm 2021**
Ref: **To approve the Financial Budget in 2021**

Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Securities Law No. 54/2019/QH14 on November 26th, 2019;
- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Enterprise Law No. 59/2020/QH14 on June 17th, 2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt (“Nhãn hiệu Việt”).
Charter of Viet Brand Invest Joint Stock Company (“Viet Brand”).

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực tế của nền kinh tế và vị thế của Công ty trong lĩnh vực đầu tư, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn Hiệu Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông Dự toán ngân sách tài chính năm 2021 như sau:

Based on the assessment of the actual situation of the economy and position of the Company in the investment sector, the Board of Directors of Viet Brand Invest Joint Stock Company would like to propose to General Meeting of Shareholders the Financial Budget in 2021, as follows:

Đơn vị tính: VNĐ/ Unit: VND

Chỉ tiêu <i>Items</i>	Kế hoạch năm 2021 <i>Plan of 2021</i>
Tổng doanh thu <i>Total Revenues</i>	90.213.110.000
Tổng chi phí <i>Total Expenses</i>	73.027.550.000
Lợi nhuận khác <i>Other Profit</i>	-350.590.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế <i>Profit Before Tax</i>	16.834.970.000
Lợi nhuận kế toán sau thuế <i>Profit After Tax</i>	12.010.130.000

Chi tiêu <i>Items</i>	Kế hoạch năm 2021 <i>Plan of 2021</i>
Thù lao HĐQT và BKS <i>Remuneration of the BOD and BOS</i>	0
Lương thành viên chủ chốt <i>Salary of Key personnel</i>	180.000.000

Nhờ vào việc kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh Covid-19 của Chính phủ, kinh tế Việt Nam vẫn là một điểm sáng của khu vực. Trước sự tăng trưởng trở lại của nền kinh tế, có thể dự báo rằng, năm 2021, thị trường M&A tại Việt Nam sẽ quay trở lại đường đua sau khi suy giảm giá trị, quy mô giao dịch trong năm 2020. Đây sẽ là một cơ hội đầu tư rất lớn đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt, sẽ dễ dàng hơn đối với việc tìm kiếm các nhãn hiệu có tiềm năng phát triển mạnh và cả việc mua lại các công ty có lợi nhuận, với kinh nghiệm thực tiễn, khả năng tài chính mạnh, tiềm năng phát triển lớn và kết quả hoạt động tốt trong các ngành, lĩnh vực truyền thống và mới nổi.

Thanks to the Government's good control of Covid-19 epidemic situation, Vietnam's economy remains a bright spot in the region. As the economic recovery, it can be predicted that, in 2021, the M&A market in Vietnam will return to the race track after the decline in value and transaction size in 2020. This will be a huge investment opportunity for Viet Brand Invest Joint Stock Company, it will be easier to look for brands with strong growth potential as well as acquiring profitable companies, with practical experience, strong financial capacity, great development potential, and good performance in traditional and emerging industries and fields.

Ban lãnh đạo cũng như toàn thể nhân viên Công ty quyết tâm cố gắng đạt được kế hoạch đề ra.

Board of Directors as well as all employees of the Company are determined to try to achieve the set plan.

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua.

Board of Directors would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders of 2021 to consider to approve.

Trân trọng.

Best regards.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
CHAIRMAN OF BOARD OF DIRECTORS**


HỌ FENG TAO

Dự báo doanh thu và chi phí hợp nhất 2021

(Đơn vị: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tổng cộng
TỔNG DOANH THU	7.563,40	7.541,90	7.627,56	7.444,94	7.513,62	7.538,67	7.519,78	7.505,13	7.487,46	7.491,59	7.487,46	7.491,59	90.213,11
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.956,94	6.956,94	6.956,94	6.956,94	6.956,94	6.956,94	6.956,94	6.956,94	6.956,94	6.956,94	6.956,94	6.956,94	83.483,32
2. Doanh thu tài chính	606,46	584,96	670,62	488,00	556,68	581,73	562,83	548,19	530,52	534,65	530,52	534,65	6.729,79
TỔNG CHI PHÍ	6.032,80	6.049,87	6.013,26	6.001,63	6.020,33	6.148,23	6.169,84	6.145,43	6.115,29	6.134,30	6.107,84	6.088,72	73.027,55
1. Chi phí bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2. Chi phí tài chính	12,00	12,00	17,00	12,00	12,00	12,00	17,00	12,00	12,00	12,00	12,00	12,00	154,00
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.020,80	6.037,87	5.996,26	5.989,63	6.008,33	6.136,23	6.152,84	6.133,43	6.103,29	6.122,30	6.095,84	6.076,72	72.873,55
DOANH THU & (CHI PHÍ) KHÁC	(8,30)	(8,30)	(8,30)	(8,30)	(8,30)	(8,30)	(50,13)	(50,13)	(50,13)	(50,13)	(50,13)	(50,13)	(350,59)
LỢI NHUẬN HÀNG THÁNG TRƯỚC THUẾ TNDN/ (LỖ)	1.538,90	1.500,33	1.622,60	1.451,61	1.484,98	1.382,15	1.299,80	1.309,57	1.322,04	1.307,16	1.329,49	1.352,74	16.834,97
Thuế TNDN (20%)	426,10	416,97	442,20	398,17	411,67	408,53	400,45	397,74	389,83	379,20	379,97	373,98	4.824,83
LỢI NHUẬN HÀNG THÁNG SAU THUẾ/ (LỖ)	1.112,80	1.083,36	1.180,39	1.053,44	1.073,31	973,61	899,36	911,83	932,20	927,95	949,52	978,76	12.010,13

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
SUBMISSION TO ANNUAL GENERAL
MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2021**

V/v: Thông qua Việc chi trả cổ tức năm 2020
Ref: To approve the Dividend payment for 2020

Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Securities Law No. 54/2019/QH14 on November 26th, 2019;
- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Enterprise Law No. 59/2020/QH14 on June 17th, 2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt ("Nhân hiệu Việt").
Charter of Viet Brand Invest Joint Stock Company ("Viet Brand").

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua Việc chi trả cổ tức năm 2020, như sau:

Board of Directors of Viet Brand Invest Joint Stock Company would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders to approve the Dividend payment for 2020, as follows:

Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2020 là 24.728.636.392 đồng, không đạt được kế hoạch đề ra, đồng thời tỷ lệ lợi nhuận/vốn điều lệ tương đối thấp. Để bổ sung nguồn vốn cho các kế hoạch kinh doanh trong giai đoạn tới, mang lại hiệu quả hơn cho Công ty và cổ đông, Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét việc không thực hiện chi trả cổ tức năm 2020.

Profit after tax of the Company in 2020 is VND 24,728,636,392, not reaching the proposed plan, and the ratio of profit/charter capital is relatively low. To supplement capital for business plans in the coming period, bring more efficiency to the Company and its shareholders, Board of Directors would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders to consider not paying dividends for 2020.

Đơn vị tính: VND
Unit: VND

STT No.	Chỉ tiêu Items	Báo cáo tài chính hợp nhất/ Consolidated financial statement
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ Gross profit from sale of goods and rendering of services	52.744.576.822

2	Doanh thu hoạt động tài chính <i>Income from financial activities</i>	7.027.058.324
3	Chi phí lãi vay <i>Interest expenses</i>	0
4	Chi phí bán hàng <i>Selling expenses</i>	8.332.551.198
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp <i>General & administration expenses</i>	21.732.837.251
6	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế <i>Total pre-tax accounting profit</i>	30.403.849.158
7	Chi phí thuế TNDN hoãn lại <i>Deferred CIT expenses</i>	256.201.556
8	Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	24.728.636.392
9	Cổ tức năm 2020 <i>Dividends for 2020</i>	0

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua.

Board of Directors would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders of 2021 to consider to approve.

Trân trọng.

Best regards.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
CHAIRMAN OF BOARD OF DIRECTORS**


HỒ, FENG TAO

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
SUBMISSION TO ANNUAL GENERAL
MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2021**

V/v: Thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2021
Ref: To approve the Selection of Auditor for the year 2021

Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Securities Law No. 54/2019/QH14 on November 26th, 2019;
- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Enterprise Law No. 59/2020/QH14 on June 17th, 2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt (“Nhân hiệu Việt”).
Charter of Viet Brand Invest Joint Stock Company (“Viet Brand”).

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021, như sau:

Board of Supervisors of Viet Brand Invest Joint Stock Company would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders of 2021, as follows:

1. Thông qua việc chọn Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Chuẩn Việt làm đơn vị kiểm toán độc lập của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt năm 2021, như sau:

To approve the selection of Viet Values Auditing and Consulting Co., Ltd to be the auditor of Viet Brand Invest Joint Stock Company in 2021, as follows:

- Tên đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Chuẩn Việt
Auditor: Viet Values Auditing and Consulting Co., Ltd
- Địa chỉ: 33 Phan Văn Khỏe, Phường 13, Quận 5, TP.HCM
Address: 33 Phan Van Khoe, Ward 13, District 5, HCMC
- Điện thoại/Tel: 028 3999 0091 - 028 3999 0097
- Fax: 028 3999 0090

2. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện và ký tất cả các văn bản liên quan đến thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật về việc này.

To authorize General Director to implement and sign all documents related to the necessary procedure in accordance with the laws for this issue.

Ban Kiểm soát kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua.

Board of Supervisors would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders of 2021 to consider to approve.

Trân trọng.

Best regards.

**TM. BAN KIỂM SOÁT/
ON BEHALF OF BOARD OF SUPERVISORS**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT/
HEAD OF BOARD OF SUPERVISORS**



LIEW SEP SIANG

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT**
*VIET BRAND INVEST
JOINT STOCK COMPANY*

---o0o---

Số: 2203-..09./TTr-HĐQT.2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
SOCIAL REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

---o0o---

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2021
Ho Chi Minh City, March 22nd, 2021

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG
NIÊN NĂM 2021**

***SUBMISSION TO ANNUAL GENERAL
MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2021***

V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty
Ref: To approve the Operation regulation of the Board of Directors of the Company

Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Securities Law No. 54/2019/QH14 on November 26th, 2019;
- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Enterprise Law No. 59/2020/QH14 on June 17th, 2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt ("Nhân hiệu Việt").
Charter of Viet Brand Invest Joint Stock Company ("Viet Brand").

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Board of Directors of Viet Brand Invest Joint Stock Company would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders to approve the Operation regulation of the Board of Directors of the Company.

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua./
Board of Directors would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders of 2021 to consider to approve.

Trân trọng./ *Best regards.*

Đính kèm/ Enclosure:

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty
Operation regulation of the Board of Directors of the Company

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF BOARD OF DIRECTORS**


HỒ FENG TAO

Số: 001/QC-HĐQT.2021

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ-ĐHĐCĐ.2021 ngày tháng 04 năm 2021.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

1.2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

2.1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2.2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

- 3.1.** Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
- 3.2.** Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
- Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
- 3.3.** Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty sau khi niêm yết phải lập Báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

- 4.1.** Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
- 4.2.** Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

- 5.1.** Hội đồng quản trị có 05 (năm) thành viên.
- 5.2.** Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 03 (ba) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.
- 5.3.** Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

- 5.4. Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

- 6.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a. Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 17.2 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
 - d. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.
- 6.2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 137.1.b Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% (một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ;
 - f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.
- 6.3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 6.2 Quy chế này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 7.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 7.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.
- 7.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

7.4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

7.5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các Biên bản họp;
- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai thông tin và thủ tục hành chính;
- e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

8.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

8.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
- 8.3.** Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Điều 8.1 và 8.2 Quy chế này.
- 8.4.** Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba);
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều 137.1.b Luật Doanh nghiệp;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại Điều 8.4.a và 8.4.b Quy chế này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- 9.1.** Các cổ đông nắm giữ tối thiểu từ 05% (năm phần trăm) trở lên số cổ phần có quyền họp thành nhóm để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị:
- a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% (năm phần trăm) đến dưới 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (bốn mươi phần trăm) được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% (bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên;
 - e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (sáu mươi phần trăm) được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên;
 - f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% (sáu mươi phần trăm) đến dưới 70% (bảy mươi phần trăm) được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên;
 - g. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% (bảy mươi phần trăm) đến dưới 80% (tám mươi phần trăm) được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên;
 - h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% (tám mươi phần trăm) đến dưới 90% (chín mươi phần trăm) được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên.
- 9.2.** Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều 115.5 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử

viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

- 9.3.** Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
- 9.4.** Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- 10.1.** Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
- 10.2.** Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

- 11.1.** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- 11.2.** Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 133.1 và 133.2 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 138.2.d, 167.1 và 167.3 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết;
 - m. Trình Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- 11.3. Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có 01 (một) Phiếu biểu quyết.
- 11.4. Trường hợp Nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua Nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về Nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua Nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ Nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

- 12.1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trên Báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Điều 164.2 Luật Doanh nghiệp.
- 12.2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các nội dung bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- 13.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 115.2 Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông

liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

13.2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 13.1.c và 13.1.d Quy chế này.

13.3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e. Dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

14.1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

14.2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

15.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị

đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

- 15.2.** Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.
- 15.3.** Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
- 15.4.** Đề nghị quy định tại Điều 15.3 Quy chế này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- 15.5.** Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điều 15.3 Quy chế này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 15.6.** Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi Thư mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày trước ngày họp dự kiến. Thư mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thư mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và Phiếu biểu quyết của thành viên.

Thư mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
- 15.7.** Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi Thư mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- 15.8.** Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Điều 15.8 này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
- 15.9.** Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều 15.11 Quy chế này;

- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi Phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi Phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.
- 15.10.** Trường hợp gửi Phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- 15.11.** Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- 15.12.** Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

- 16.1.** Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ Trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và người ghi Biên bản họp, trừ trường hợp quy định tại Điều 16.2 Quy chế này.
- 16.2.** Trường hợp Chủ tọa, người ghi Biên bản họp từ chối ký Biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 16.1.a, 16.1.b, 16.1.c, 16.1.d, 16.1.e, 16.1.f, 16.1.g và 16.1.h Quy chế này thì Biên bản họp này có hiệu lực.
- 16.3.** Chủ tọa, người ghi Biên bản họp và những người ký tên trong Biên bản họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung Biên bản họp Hội đồng quản trị.
- 16.4.** Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

- 16.5. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa Biên bản họp bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong Biên bản họp bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình Báo cáo hằng năm

- 17.1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông các Báo cáo sau đây:
- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
- 17.2. Báo cáo quy định tại Điều 17.1.a, 17.1.b và 17.1.c Quy chế này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.
- 17.3. Báo cáo quy định tại Điều 17.1 và 17.2 Quy chế này, Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và Báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các Báo cáo quy định tại Điều 17 này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 18.1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 18.2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 18.3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 18.4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

- 18.5.** Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
- 18.6.** Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

- 19.1.** Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ Trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ Trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ.
- 19.2.** Việc kê khai quy định tại Điều 19.1 Quy chế này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 19.3.** Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

- 20.1.** Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- 20.2.** Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

- 20.3.** Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mọi quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các Nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết.

Điều 22. Mọi quan hệ với Ban Kiểm soát

- 22.1.** Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
- 22.2.** Khi tiếp nhận các Biên bản kiểm tra hoặc Báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt bao gồm 07 (bảy) chương, 23 (hai mươi ba) điều và có hiệu lực thi hành kể từ thông qua.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
NHÃN HIỆU VIỆT
VIET BRAND INVEST
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/ No.: 2203- AQ./TTr-BKS.2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2021
Ho Chi Minh City, March 22nd, 2021

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
SUBMISSION TO ANNUAL GENERAL
MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2021**

V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty

Ref: To approve the Regulation on operation of Board of Supervisors of the Company

Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Securities Law No. 54/2019/QH14 on November 26th, 2019;
- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Enterprise Law No. 59/2020/QH14 on June 17th, 2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt (“Nhân hiệu Việt”).
Charter of Viet Brand Invest Joint Stock Company (“Viet Brand”).

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty.

Board of Supervisors of Viet Brand Invest Joint Stock Company would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders to approve the Regulation on operation of Board of Supervisors of the Company.

Ban Kiểm soát kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua./

Board of Supervisors would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders of 2021 to consider to approve.

Trân trọng/ Best regards.

Đính kèm/ Enclosure:

1. Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát của Công ty
Regulation on operation of Board of Supervisors of the Company

TM. BAN KIỂM SOÁT
ON BEHALF OF BOARD OF SUPERVISORS
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
HEAD OF BOARD OF SUPERVISORS



LIEU SEP SIANG

Số: 001/QC-BKS.2021

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ-ĐHĐCĐ.2021 ngày tháng 04 năm 2021.

Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt.

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

1.2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

- 3.1.** Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- 3.2.** Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
- 3.3.** Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 3.4.** Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 3.5.** Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 3.1, 3.2, 3.3 và 3.4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
- 3.6.** Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát

- 4.1.** Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 03 (ba) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 4.2.** Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- 4.3.** Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
- 4.4.** Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

- e. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- f. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó;
- g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát

- 6.1.** Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.
- 6.2.** Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
- 6.3.** Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

- 7.1.** Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% (năm phần trăm) cổ phần trở lên có quyền hợp nhóm đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm soát.
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% (năm phần trăm) đến dưới 10% (mười phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% (ba phần trăm) đến dưới 40% (bốn mươi phần trăm) được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% (bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên;
 - e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (sáu mươi phần trăm) được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên.
- 7.2.** Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

- 8.1.** Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- 8.2.** Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

- 9.1.** Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau:
- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
- 9.2.** Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d. Trường hợp khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

- 10.1.** Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác;

- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
- 10.2.** Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

- 11.1.** Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- 11.2.** Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính.
- 11.3.** Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính hằng năm và 06 (sáu) tháng của Công ty, Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình Báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- 11.4.** Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
- 11.5.** Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
- 11.6.** Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 11.7.** Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 11.8.** Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc vi phạm

pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

- 11.9.** Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
- 11.10.** Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
- 11.11.** Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- 11.12.** Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
- 11.13.** Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
- 11.14.** Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
- 11.15.** Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 11.16.** Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
- 11.17.** Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
- 11.18.** Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- 11.19.** Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
- 11.20.** Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
- 11.21.** Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 11.22.** Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 11.23.** Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- 11.24.** Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

- 12.1.** Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
- Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Ban Kiểm soát và tài liệu kèm theo;
 - Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát;
 - Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Ban Kiểm soát hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
- 12.2.** Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- 12.3.** Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

- 13.1.** Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
- Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.
- 13.2.** Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
- 13.3.** Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

- 14.1.** Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong 01 (một) năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát.

- 14.2.** Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban Kiểm soát

Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau:

- 16.1.** Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- 16.2.** Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.
- 16.3.** Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.
- 16.4.** Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
- 16.5.** Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- 16.6.** Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
- 16.7.** Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
- 16.8.** Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

- 17.1.** Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.
- 17.2.** Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- 17.3.** Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

- 18.1.** Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ.
- 18.2.** Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 18.3.** Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
- 18.4.** Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các Nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- 18.5.** Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt bao gồm 07 (bảy) chương, 22 (hai mươi hai) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua.

THAY MẶT BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

.....

Số: 2203-./AA./TTr-HĐQT.2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2021
Ho Chi Minh City, March 22nd, 2021

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
SUBMISSION TO ANNUAL GENERAL
MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2021**

V/v: **Thông qua Điều lệ sửa đổi**
Ref: **To approve the revised Charter**

Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Securities Law No. 54/2019/QH14 on November 26th, 2019;
- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Enterprise Law No. 59/2020/QH14 on June 17th, 2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
Decree No. 155/2020/NĐ-CP on December 31st, 2020;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020;
Circular No. 116/2020/TT-BTC on December 31st, 2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt (“Nhãn hiệu Việt”).
Charter of Viet Brand Invest Joint Stock Company (“Viet Brand”).

Đề tuân thủ những quy định của Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt đã được sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng.

In order to comply with the provisions of Decree 155/2020/NĐ-CP and Circular 116/2020/TT-BTC, the Charter of Viet Brand Invest Joint Stock Company has been amended and supplemented in accordance with the applicable sample charter for public companies.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ sửa đổi như đính kèm.

Board of Directors of Viet Brand Invest Joint Stock Company would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders to approve the revised Charter with the following adjustment as attached.

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua.

Board of Directors would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders of 2021 to consider to approve.

Trân trọng./ *Best regards.*

Đính kèm/ Enclosure:

1. Bảng so sánh Điều lệ hiện hành và Điều lệ sửa đổi;
Comparison table of current charter and revised charter;
2. Điều lệ sửa đổi.
The revised Charter.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
CHAIRMAN OF BOARD OF DIRECTORS**


HO, FENG TAO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	3
Điều 1. Định nghĩa.....	3
CHƯƠNG II. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY.....	4
Điều 2. Thông tin chung của Công ty.....	4
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	5
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	6
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	6
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	6
Điều 7. Số đăng ký cổ đông.....	7
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.....	7
Điều 9. Thu hồi cổ phần.....	8
Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty.....	9
Điều 11. Phát hành trái phiếu.....	9
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT.....	9
Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	9
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	10
Điều 13. Quyền của cổ đông.....	10
Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông.....	11
Điều 15. Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 18. Thay đổi các quyền.....	15
Điều 19. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 21. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 22. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 26. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	21
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	22
Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	23
Điều 29. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.....	25
Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	26
Điều 31. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	26
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.....	30
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý.....	30

Điều 33. Cán bộ quản lý	30
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	30
Điều 35. Thư ký Công ty	32
CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	32
Điều 36. Trách nhiệm cần trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý	32
Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	33
Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	34
CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT	34
Điều 39. Thành viên Ban kiểm soát.....	34
Điều 40. Ban kiểm soát.....	36
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	37
Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	37
CHƯƠNG XII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	38
Điều 42. Cổ tức.....	38
Điều 43. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	39
CHƯƠNG XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	39
Điều 44. Tài khoản ngân hàng.....	39
Điều 45. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.....	39
Điều 46. Năm tài chính.....	39
Điều 47. Hệ thống kế toán	39
CHƯƠNG XIV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	40
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	40
Điều 49. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	40
CHƯƠNG XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY	40
Điều 50. Kiểm toán.....	40
CHƯƠNG XVI. CON DẤU	41
Điều 51. Con dấu	41
CHƯƠNG XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	41
Điều 52. Chấm dứt hoạt động.....	41
Điều 53. Thanh lý	41
CHƯƠNG XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	42
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ	42
CHƯƠNG XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	42
Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	42
CHƯƠNG XX. NGÀY HIỆU LỰC.....	43
Điều 56. Ngày hiệu lực	43

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

- 1.1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
- 1.2. **“Bỏ phiếu điện tử”** là việc Cổ đông, người đại diện Cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử của Trung tâm lưu ký chứng khoán;
- 1.3. **“Cán bộ quản lý”** là Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
- 1.4. **“Cổ đông lớn”** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết ở Công ty;
- 1.5. **“Công ty”** là Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt;
- 1.6. **“Điều khoản”** là một Điều khoản của Điều lệ này;
- 1.7. **“Luật Doanh nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và những sửa đổi, bổ sung Luật này tùy từng thời điểm;
- 1.8. **“Luật Chứng khoán”** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và những sửa đổi, bổ sung Luật này tùy từng thời điểm;
- 1.9. **“Ngày thành lập”** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- 1.10. **“Người có liên quan”** là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp sau đây:
 - 1.11. Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;
 - 1.12. Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;
 - 1.13. Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của Công ty thông qua sở hữu, thuê tóm cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của Công ty;
 - 1.14. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện theo pháp luật, thành viên Ban kiểm soát;
 - 1.15. Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện theo pháp luật, thành viên Ban kiểm soát, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
- 1.16. Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm i, ii và iii khoản này;
- 1.17. Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm i, ii, iii, iv, v và vi khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.
- 1.18. **“Pháp luật”** nghĩa là các luật, nghị định, thông tư, quyết định, quy định hoặc các văn bản khác có hiệu lực pháp luật tại Việt Nam được ban hành bởi các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;

- 1.19. **“Phương thức truyền thống”** là việc Công ty tiến hành họp, tổ chức biểu quyết, lấy ý kiến bằng văn bản theo phương thức được quy định tại Luật Doanh nghiệp và không bao gồm việc thực hiện thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử;
- 1.20. **“Sở giao dịch chứng khoán”** là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
- 1.21. **“Thời hạn hoạt động”** là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết;
- 1.22. **“Việt Nam”** là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- 1.23. **“Vốn điều lệ”** là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ Công ty.
- 1.24. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
- 1.25. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
- 1.26. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Thông tin chung của Công ty

- 2.1. Tên Công ty
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: VIET BRAND INVEST JOINT STOCK COMPANY
 - Tên Công ty viết tắt: VIET BRAND
- 2.2. Trụ sở đăng ký của Công ty là: CR3 – 16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
 - Email: info@vbinvest.com.vn
 - Website: www.vbinvest.com.vn
- 2.3. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- 2.4. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 52 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

- 3.1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.
- 3.2. Người đại diện theo pháp luật đại diện Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

- 4.1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020 (Chính)
2.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	6619
3.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, ăn uống	5610
4.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống	5629
5.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
6.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn rau quả, chè, cà phê (không hoạt động tại trụ sở)	4632
7.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
8.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ rau, quả, chè, cà phê trong các cửa hàng chuyên doanh. (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh)	4722
9.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi)	5210
10.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp, bến	4299

	bãi, giao thông, thủy lợi; xây dựng hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khu du lịch	
11.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
12.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Rang và lọc cà phê; Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; Sản xuất các chất thay thế cà phê (không hoạt động tại trụ sở)	1079

4.2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- (a) Công ty thành lập và hoạt động nhằm đem lại lợi nhuận tối ưu cho cổ đông;
- (b) Tăng tích lũy phát triển sản xuất kinh doanh;
- (c) Làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước và xã hội;
- (d) Nâng cao thu nhập của người lao động trong Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

- 6.1. Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng (bằng chữ: hai trăm tỷ đồng).
- 6.2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 20.000.000 (hai mươi triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười ngàn) đồng/cổ phần.
- 6.3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 6.4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ có cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Điều lệ này.
- 6.5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 6.6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần

cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán theo phương pháp đấu giá.

- 6.7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
- 6.8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông

- 7.1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính, trong trường hợp Công ty đăng ký lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký hoặc Công ty niêm yết thì sổ đăng ký cổ đông còn được lưu giữ cả tại Trung tâm lưu ký.
- 7.2. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.
- 7.3. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận sở hữu cổ phần tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Chứng nhận sở hữu cổ phần phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền.
- 7.4. Chứng chỉ chứng khoán khác như: trái phiếu, cổ phần ưu đãi sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
- 7.5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
- 7.6. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- 7.7. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

- 8.1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- 8.2. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty.
- 8.3. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
- 8.4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.
- 8.5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
- 8.6. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty kể từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.
- 8.7. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

- 9.1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công Ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
- 9.2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), phương thức thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
- 9.3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
- 9.4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4, Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, phân phối lại theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
- 9.5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
- 9.6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

- 10.1. Công ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán.
- 10.2. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- 10.3. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 133 Luật Doanh nghiệp. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
- 10.4. Việc mua lại cổ phần của Công ty chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các công nợ của Công ty và tuân theo các quy định của pháp luật doanh nghiệp và chứng khoán hiện hành.
- 10.5. Cổ phần được mua lại được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
- 10.6. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn mười phần trăm (10%) thì Công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 11. Phát hành trái phiếu

Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định tại Điều 130 Luật Doanh nghiệp và các quy định của Pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- 12.1. Đại hội đồng cổ đông
- 12.2. Hội đồng quản trị
- 12.3. Tổng giám đốc
- 12.4. Ban kiểm soát

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 13. Quyền của cổ đông

- 13.1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phần của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- 13.2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
- 13.3. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- 13.4. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 13.5. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- 13.6. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- 13.7. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- 13.8. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- 13.9. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- 13.10. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- 13.11. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
- 13.12. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau:
- 13.13. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 27.4 và Điều 39.3 của Điều lệ này;
- 13.14. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 của Luật Doanh nghiệp;
- 13.15. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng hoặc giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- 13.16. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ liên lạc, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông

và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

13.17. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 19.4 của Điều lệ này;

13.18. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

14.1. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

14.2. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

14.3. Cung cấp địa chỉ liên lạc, địa chỉ email, số điện thoại liên lạc chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

14.4. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi cho các tổ chức, cá nhân khác;

14.5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15. Đại hội đồng cổ đông

15.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

15.2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

15.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

15.4. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

15.5. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

- (a) Số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- 15.6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 13.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, hoặc Giấy chứng minh nhân dân, hoặc Hộ chiếu, hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty và căn cứ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
- 15.7. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- 15.8. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 15.9. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
- 15.10. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại như quy định tại Điều 15.3.(c) của Điều lệ này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại Điều 15.3.(d), (e) của Điều lệ này.
- 15.11. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 15.4.(a) của Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
- 15.12. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 15.4.(b) của Điều lệ này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điều 15.3.(d) của Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
- Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
- 15.13. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí ăn ở, đi lại và chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 16.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- 16.2. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- 16.3. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
- 16.4. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- 16.5. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty;

- 16.6. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng thành viên Ban kiểm soát;
- 16.7. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- 16.8. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
- 16.9. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- 16.10. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- 16.11. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- 16.12. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- 16.13. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán được độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- 16.14. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- 16.15. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- 16.16. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- 16.17. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
- 16.18. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- 16.19. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- 16.20. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- 16.21. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty;
- 16.22. Thông qua quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- 16.23. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- 16.24. Chấp thuận các giao dịch sau:
- 16.25. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;
- 16.26. Giao dịch có giá trị từ 20% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên

quan của họ;

- b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;
 - d. Doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- 16.27. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
- 16.28. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 16.29. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- 16.30. Các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 16.2 của Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng, giao dịch;
- 16.31. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
- 16.32. Tất cả các Nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 17.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều 20.4 của Điều lệ này.
- 17.2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành (người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp) và phải có chữ ký theo quy định cụ thể như sau:
- 17.3. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
- 17.4. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- 17.5. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
- 17.6. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây mà Công ty không nhận được

thông báo về sự kiện đó trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại:

- 17.7. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- 17.8. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- 17.9. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều 18. Thay đổi các quyền

- 18.1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 18.2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang nhau tại các cuộc họp nêu trên. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21 của Điều lệ này.
- 18.3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 19. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và mời họp Đại hội đồng cổ đông

- 19.1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 15.4.(b), hoặc Điều 15.4.(c) của Điều lệ này.
- 19.2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
- 19.3. Lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp. Danh sách này được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;
- 19.4. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- 19.5. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- 19.6. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

- 19.7. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- 19.8. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- 19.9. Gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông đến từng cổ đông có quyền dự họp;
- 19.10. Công tác khác phục vụ cuộc họp.
- 19.11. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 13.3 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- 19.12. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị quy định tại Điều 19.4 của Điều lệ này trong các trường hợp sau:
- 19.13. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Điều 19.4 của Điều lệ này;
- 19.14. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại Điều 19.4 của Điều lệ này thì chậm nhất là hai (2) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- 19.15. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Điều 19.4 của Điều lệ này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điều 19.5 của Điều lệ này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 20.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.
- 20.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 20.1 của Điều lệ này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng phiếu biểu quyết trở lên.
- 20.3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 20.2 của Điều lệ này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- 20.4. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
- 20.5. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- 20.6. Ủy quyền cho (những) cá nhân, (những) tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- 20.7. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- 20.8. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
- 20.9. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 19.3 của Điều lệ này.

Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

A. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết theo phương thức truyền thống

- 21.1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- 21.2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.
- 21.3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- 21.4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một người chủ trì thay thế. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chỉ định ai cụ thể thì người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản Đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.
- 21.5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- 21.6. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- 21.7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (3) ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- 21.8. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- 21.9. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- 21.10. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- 21.11. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Điều 21.7 của Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; hiệu lực của tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
- 21.12. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua; và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- 21.13. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an toàn, an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
- 21.14. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
- 21.15. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
- 21.16. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- 21.17. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

- 21.18. Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
- 21.19. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- 21.20. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;
- 21.21. Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
- 21.22. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

B. Thể thức tiến hành biểu quyết theo phương thức bỏ phiếu điện tử: Thực hiện theo Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử của Công ty.

Điều 22. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 22.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu

quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

- 22.2. Trừ các trường hợp quy định tại Điều 22.4 của Điều lệ này, Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):
 - 22.3. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - 22.4. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - 22.5. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - 22.6. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
 - 22.7. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
 - 22.8. Các nghị quyết khác được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ các trường hợp quy định tại Điều 22.2 và Điều 22.4 của Điều lệ này.
 - 22.9. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 23.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Việc lấy ý kiến có thể thực hiện theo phương thức tuyên thống hoặc qua phương thức bỏ phiếu điện tử.
- 23.2. Lấy ý kiến bằng văn bản theo phương thức truyền thống:
- 23.3. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
- 23.4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- 23.5. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- 23.6. Mục đích lấy ý kiến;

- 23.7. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- 23.8. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- 23.9. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- 23.10. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- 23.11. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 23.12. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:
- 23.13. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- 23.14. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- 23.15. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- 23.16. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- 23.17. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- 23.18. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- 23.19. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- 23.20. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- 23.21. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- 23.22. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 23.23. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin

điện tử của Công ty.

- 23.24. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
- 23.25. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 23.26. Lấy ý kiến bằng văn bản theo phương thức bỏ phiếu điện tử: Thực hiện theo Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử của Công ty.

Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 24.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.
- 24.2. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 13.3 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 25.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Điều 26.2 của Điều lệ này;
- 25.2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 26. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 26.1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
- 26.2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
- 26.3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của

Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- 27.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá ba (3) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế; nhiệm kỳ thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá hai (2) nhiệm kỳ liên tục. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
- 27.2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- 27.3. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phần có quyền họp thành nhóm để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị:
- 27.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) ứng viên;
- 27.5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (2) ứng viên;
- 27.6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (3) ứng viên;
- 27.7. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (4) ứng viên;
- 27.8. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (5) ứng viên;
- 27.9. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (6) ứng viên;
- 27.10. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ bảy mươi phần trăm (70%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (7) ứng viên;
- 27.11. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (8) ứng viên.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
- 27.12. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
- 27.13. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

- 27.14. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- 27.15. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 27.16. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3) so với quy định để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
- 27.17. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 27.18. Không đề cử vào Hội đồng quản trị nhân viên của một đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán cho Công ty trong vòng một (01) năm qua.
- 27.19. Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế có thời hạn đến hết nhiệm kỳ của các thành viên Hội đồng quản trị còn lại.
- 27.20. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

- 28.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 28.2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
- 28.3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau:
- 28.4. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- 28.5. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- 28.6. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- 28.7. Kiến nghị các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- 28.8. Kiến nghị việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- 28.9. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- 28.10. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- 28.11. Kiến nghị mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- 28.12. Kiến nghị việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;

- 28.13. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- 28.14. Trình báo cáo tài chính kiểm toán năm lên Đại hội đồng cổ đông.
- 28.15. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- 28.16. Xây dựng và ban hành Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử của công ty theo quy định hiện hành về bỏ phiếu điện tử;
- 28.17. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- 28.18. Thành lập các công ty con của Công ty;
- 28.19. Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- 28.20. Quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh) trừ các hợp đồng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông;
- 28.21. Việc vay, cho vay và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- 28.22. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- 28.23. Quyết định đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- 28.24. Việc ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc nhỏ hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- 28.25. Thông qua hợp đồng mua, bán, và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 28.26. Việc Công ty mua và giá mua hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) mỗi loại cổ phần;
- 28.27. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
- 28.28. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- 28.29. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- 28.30. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 28.31. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính.
- 28.32. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và

thường. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

- 28.33. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 28.34. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 28.35. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- 28.36. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị:
- 28.37. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong Công ty.
- 28.38. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 29. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

- 29.1. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
- 29.2. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty;
- 29.3. Không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong ba (3) năm liền trước đó;
- 29.4. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- 29.5. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- 29.6. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- 29.7. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong năm (5) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai nhiệm kỳ.
- 29.8. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc

không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 29.1 của Điều lệ này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (6) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị liên quan.

- 29.9. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có nhiệm vụ và quyền hạn giống các thành viên Hội đồng quản trị khác, ngoài ra còn có các quyền hạn sau:
- 29.10. Đề xuất với Hội đồng quản trị tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề xuất với Ban kiểm soát tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị phản đối đề nghị này;
- 29.11. Thuê tổ chức tư vấn hoặc kiểm toán để thực hiện nhiệm vụ của mình;
- 29.12. Đưa ra ý kiến độc lập về các vấn đề liên quan đến kế hoạch khen thưởng, trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và người quản lý Công ty;
- 29.13. Đưa ra ý kiến độc lập về các giao dịch lớn có liên quan và báo cáo cơ quan quản lý khi xét thấy cần thiết.

Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 30.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
- 30.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- 30.3. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- 30.4. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- 30.5. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- 30.6. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- 30.7. Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, ký thay mặt Đại hội đồng cổ đông trong các nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- 30.8. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 30.9. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
- 30.10. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 31. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

- 31.1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ

phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

- 31.2. Các cuộc họp thường kỳ: Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (3) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
- 31.3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - 31.4. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (5) cán bộ quản lý;
 - 31.5. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - 31.6. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - 31.7. Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
- 31.8. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Điều 31.3 của Điều lệ này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc sau khi nhận được đề nghị họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Điều 31.3 của Điều lệ này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 31.9. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
- 31.10. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
- 31.11. Thông báo và chương trình họp của Hội Đồng Quản Trị: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Kiểm Soát ít nhất ba (3) ngày dương lịch trước khi tổ chức họp; các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể được làm bằng văn bản tiếng Việt hoặc tiếng Anh và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Kiểm Soát được đăng ký tại Công ty.

Đối với các cuộc họp bất thường nêu tại Điều 31.3 của Điều lệ này, thông báo mời họp có thể được gửi trong vòng hai mươi bốn (24) giờ trước giờ họp bằng fax, thư điện tử hoặc phương tiện điện tử khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát được đăng ký tại Công ty.

31.12. Số thành viên tham dự tối thiểu:

Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (7) ngày dương lịch kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

31.13. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

31.14. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

31.15. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;

31.16. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức tương tự khác;

31.17. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

31.18. Biểu quyết

31.19. Trừ quy định tại Điều 31.10.(b) của Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết. Các thành viên không trực tiếp tham dự cuộc họp sẽ có quyền biểu quyết bằng cách gửi văn bản phiếu. Văn bản phiếu sẽ được niêm phong trong phong bì và trao cho Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị ít nhất là một (1) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Văn bản phiếu sẽ chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người tham dự cuộc họp;

31.20. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để tổ chức họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

31.21. Theo quy định tại Điều 31.10.(d) của Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh này sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị còn lại là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố phù hợp;

31.22. Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan trong hợp đồng được quy định tại Điều 37.4.(a), (b) của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

31.23. Thành viên Ban Kiểm Soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

31.24. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng

hoặc giao dịch này; hoặc thành viên này có thể công khai thông tin này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi biết mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

- 31.25. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 31.26. Họp trên điện thoại hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- 31.27. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- 31.28. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này.

Tùy từng thời điểm, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp theo hình thức họp trên điện thoại hoặc gửi ý kiến bằng văn bản trong thời hạn do Hội đồng quản trị ấn định được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp hoặc thu thập ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn đã ấn định nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

- 31.29. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp. Nghị quyết này có thể được ký bởi Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 31.30. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh và phải có họ tên và chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp; người ghi biên bản và chủ tọa. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Trường hợp nghị quyết Hội đồng quản trị đã được thông qua theo đúng quy định pháp luật nhưng có thành viên từ

chối ký biên bản thì chữ ký xác nhận việc tham dự họp được coi là chữ ký của họ tại biên bản họp.

- 31.31. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên không thuộc Hội đồng quản trị theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
- 31.32. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.
- 31.33. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc, một số Phó tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 33. Cán bộ quản lý

- 33.1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và chức danh cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
- 33.2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

- 34.1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị

hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.

- 34.2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá ba (3) năm trừ và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
- 34.3. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:
- 34.4. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- 34.5. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;
- 34.6. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.
- 34.7. Quyền hạn và nhiệm vụ:

Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- 34.8. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- 34.9. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- 34.10. Kiến nghị số lượng và các cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- 34.11. Hằng năm, trước ngày 31 tháng 12, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;
- 34.12. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- 34.13. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- 34.14. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- 34.15. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật;
- 34.16. Ký quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh theo phê duyệt chủ trương của Hội đồng quản trị;

- 34.17. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- 34.18. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- 34.19. Tuyển dụng lao động;
- 34.20. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- 34.21. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- 34.22. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
- 34.23. Miễn nhiệm: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 35. Thư ký Công ty

- 35.1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (1) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:
- 35.2. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- 35.3. Ghi chép biên bản các cuộc họp;
- 35.4. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- 35.5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- 35.6. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 36. Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ căn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

- 37.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 37.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
- 37.3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, đồng thời thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- 37.4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
- 37.5. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới hai mươi (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
- 37.6. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi (20%) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
- 37.7. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
- 37.8. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công

ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

- 38.1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 38.2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
- 38.3. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- 38.4. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
- 38.5. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 39. Thành viên Ban kiểm soát

- 39.1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (3) thành viên. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
- 39.2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- 39.3. Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

khác của Công ty;

- 39.4. Không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty;
- 39.5. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- 39.6. Không phải là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
- 39.7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
- 39.8. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên Ban kiểm soát thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- 39.9. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- 39.10. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
- 39.11. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
- 39.12. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm năm (5%) cổ phần có quyền họp nhóm để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát.
- 39.13. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) thành viên;
- 39.14. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (2) thành viên;
- 39.15. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (3) ứng viên;
- 39.16. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (4) ứng viên;
- 39.17. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (5) ứng viên.
Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
- 39.18. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá ba (3) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
- 39.19. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
- 39.20. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

- 39.21. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
- 39.22. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Ban kiểm soát

- 40.1. Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
- 40.2. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;
- 40.3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- 40.4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
- 40.5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
- 40.6. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 13.3 của Điều lệ này;
- 40.7. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 13.3 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- 40.8. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- 40.9. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 36, Điều 37 của Điều lệ này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- 40.10. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;
- 40.11. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ

được giao;

- 40.12. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- 40.13. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- 40.14. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
- 40.15. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (2) người.
- 40.16. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

- 41.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 13.3 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty trích lục các thông tin của chính mình trong danh sách cổ đông, các biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các biên bản, nghị quyết đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
- 41.2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 41.3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
- 41.4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản sao Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

CHƯƠNG XII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 42. Cổ tức

- 42.1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
- 42.2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
- 42.3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu trong trường hợp cổ đông không thực hiện quyền của mình theo đúng thời hạn thông báo.
- 42.4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán cổ tức bằng tiền mặt, bằng cổ phiếu của Công ty hoặc kết hợp cả hai hình thức.
- 42.5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
- 42.6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
- 42.7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông của Công ty. Căn cứ theo danh sách chốt tại ngày đó, cổ đông sẽ được nhận các quyền của cổ đông theo quy định của pháp luật.
- 42.8. Công ty chỉ chia lợi nhuận cho các cổ đông phổ thông khi có đủ các điều kiện sau:
- 42.9. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- 42.10. Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- 42.11. Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Điều 43. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 44. Tài khoản ngân hàng

- 44.1. Công ty sẽ mở ít nhất một tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 44.2. Theo chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
- 44.3. Công ty sẽ tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 45. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của Công ty.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 dương lịch cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 dương lịch cùng năm.

Điều 47. Hệ thống kế toán

- 47.1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán – thống kê.
- 47.2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
- 47.3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XIV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

- 48.1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 48.2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
- 48.3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 48.4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 49. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

- 50.1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.
- 50.2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
- 50.3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
- 50.4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
- 50.5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVI. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

- 51.1. Người đại diện theo pháp luật có quyền quyết định về loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Công ty.
- 51.2. Việc sử dụng và quản lý con dấu tuân thủ theo quy định nội bộ của Công ty và pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

- 52.1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
- 52.2. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- 52.3. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; hoặc
- 52.4. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
- 52.5. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Trình tự, thủ tục giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Thanh lý

- 53.1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên, trong đó có ít nhất một thành viên từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- 53.2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- 53.3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
- 53.4. Các chi phí thanh lý;
- 53.5. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- 53.6. Nợ thuế;
- 53.7. Các khoản nợ khác;
- 53.8. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

- 54.1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
- 54.2. Cổ đông với Công ty; hoặc
- 54.3. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu người đại diện pháp luật của công ty chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

- 54.4. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra để giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VIAC) theo Quy Tắc Tố Tụng Trọng Tài của VIAC. Số lượng trọng tài viên là một. Địa điểm trọng tài là Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngôn ngữ được sử dụng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt.
- 54.5. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải.

CHƯƠNG XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

- 55.1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
- 55.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XX. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực

- 56.1. Bản Điều lệ này gồm XX chương 56 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt nhất trí thông qua ngày tháng năm 2021 và Điều lệ này bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày được thông qua.
- 56.2. Điều lệ được lập thành bảy (7) bản (5 bản tiếng Việt và 2 bản tiếng Anh), có giá trị như nhau, trong đó:
- 56.3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty;
- 56.4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên của Hội quản trị mới có giá trị.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng năm 2021

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Số: 2203-~~Ac2~~/TTr-HĐQT.2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2021
Ho Chi Minh City, March 22nd, 2021

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
SUBMISSION TO ANNUAL GENERAL
MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2021**

V/v: **Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi**
Ref: **To approve the revised Internal regulation on corporate governance**

Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Securities Law No. 54/2019/QH14 on November 26th, 2019;
- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Enterprise Law No. 59/2020/QH14 on June 17th, 2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
Decree No. 155/2020/ND-CP on December 31st, 2020;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020;
Circular No. 116/2020/TT-BTC on December 31st, 2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt (“Nhân hiệu Việt”).
Charter of Viet Brand Invest Joint Stock Company (“Viet Brand”).

Để tuân thủ những quy định của Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Thông tư 116/2020/TT-BTC, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt đã được sửa đổi, bổ sung phù hợp với Quy chế nội bộ về quản trị công ty mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng.

In order to comply with the provisions of Decree 155/2020/ND-CP and Circular 116/2020/TT-BTC, the Internal regulation on corporate governance of Viet Brand Invest Joint Stock Company has been amended and supplemented in accordance with the applicable sample Internal regulation on corporate governance for public companies.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi như đính kèm.

Board of Directors of Viet Brand Invest Joint Stock Company would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders to approve the revised Internal regulation on corporate governance with the following adjustment as attached.

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua.

Board of Directors would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders of 2021 to consider to approve.

Trân trọng./ *Best regards.*

Đính kèm/ Enclosure:

1. Bảng so sánh Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành và sửa đổi;
Comparison table of current and revised Internal regulation on corporate governance;
2. Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi.
The revised Internal regulation on corporate governance.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
CHAIRMAN OF BOARD OF DIRECTORS**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN NHÃN HIỆU VIỆT**

Mục lục

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	2
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG.....	4
Mục 1: Quy định chung.....	4
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	4
Mục 2: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp	6
Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 9. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 11. Điều kiện tiên hành ĐHĐCĐ	8
Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 13. Cách thức bỏ phiếu trong ĐHĐCĐ	8
Điều 14. Cách thức kiểm phiếu	8
Điều 15. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua.....	9
Điều 16. Thông báo kết quả kiểm phiếu	9
Điều 17. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 18. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 19. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	10
II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN.....	10
Điều 20. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản.....	10
Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	10
III. HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN.....	12
Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.....	12
Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến	12
CHƯƠNG III. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	12
Điều 24. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT.....	12
Điều 25. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	13
Điều 26. Thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT.....	16
Điều 27. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT.....	16

Điều 28. Các tiêu ban thuộc HĐQT.....	18
Điều 29. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	19
CHƯƠNG IV. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT	20
Điều 30. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS	20
Điều 31. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS	20
CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC.....	22
Điều 32. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ Tổng Giám đốc.....	22
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc	23
CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	23
Điều 34. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc	23
Điều 35. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.....	29
CHƯƠNG VII. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	29
Điều 36. Trách nhiệm cẩn trọng	29
Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	29
Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	30
CHƯƠNG VIII. CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM	31
Điều 39. Giám sát	31
Điều 40. Xử lý vi phạm	31
CHƯƠNG IX. ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN	31
Điều 41. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.....	31
Điều 42. Ngày hiệu lực	31

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÃN HIỆU VIỆT

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1504/NQ-ĐHĐCĐ.2021 ngày 15/04/2021.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Công ty cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị Công ty của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Công ty”: là Công ty Cổ phần Nhân Hiệu Việt;
 - b. Đại hội đồng cổ đông (viết tắt là “ĐHĐCĐ”): là ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt;
 - c. Hội đồng quản trị (viết tắt là “HĐQT”): là HĐQT của Công ty;
 - d. Ban kiểm soát (viết tắt là “BKS”): là BKS của Công ty
 - e. “Quản trị Công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của Cổ đông và những tổ chức và cá nhân liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc Quản trị Công ty bao gồm:
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;

- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những tổ chức, cá nhân có liên quan đến Công ty;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.
- f. “Công ty đại chúng” là Công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật chứng khoán;
- g. “Cổ đông lớn”: là cổ đông sở hữu ít nhất năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- h. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc;
- i. “Thành viên HĐQT không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
- j. “Thành viên độc lập HĐQT” (sau đây gọi là Thành viên độc lập) là thành viên HĐQT đáp ứng các điều kiện sau:
- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
 - Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;
 - Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó.
- k. “Người có liên quan”: là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14;
- l. “Điều lệ Công ty”: là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt.
- m. “Bỏ phiếu điện tử” là việc Cổ đông, người đại diện Cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử của Trung tâm lưu ký chứng khoán.
- n. “Phương thức truyền thống” là việc Công ty tiến hành họp, tổ chức biểu quyết, lấy ý kiến bằng văn bản theo phương thức được quy định tại Luật Doanh nghiệp và không

bao gồm việc thực hiện thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG

Mục 1: Quy định chung

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, thành viên BKS gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, BKS;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế hoạt động BKS;
 - l. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Chấp thuận các giao dịch sau:
 - i. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;
 - ii. Giao dịch có giá trị từ 20% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;
 - Doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- iii. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
- n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
 - d. Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

Mục 2: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT hoặc thành viên BKS còn lại ít hơn như quy định tại Điều 15.3.(c) Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 15.3.(d), (e) Điều lệ Công ty.

- b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a khoản 2 điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
- c. Trường hợp BKS không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 15.3.(d) Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng và lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Thông báo họp ĐHCĐ phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp ĐHCĐ có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán; trên website của Công ty. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp ĐHCĐ có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp ĐHCĐ có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp ĐHCĐ phải được gửi chậm nhất là hai mươi một ngày (21) ngày trước ngày họp ĐHCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp ĐHCĐ phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 13.3 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 9. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành (người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp) và phải có chữ ký theo quy định cụ thể như sau:

- a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể xác nhận việc tham dự họp ĐHĐCĐ theo một trong các cách thức sau: gửi giấy xác nhận tham dự họp ĐHĐCĐ đến Công ty; xác nhận với người được ghi tên trong Thông báo mời họp là người thay mặt Công ty tiếp nhận xác nhận tham dự họp.
2. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 14 của Luật Doanh nghiệp 2020 thì ủy quyền cho người khác dự họp ĐHĐCĐ. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

3. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông cho các cổ đông có quyền dự họp có mặt.

Điều 11. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu trong ĐHĐCĐ

1. Thể thức bỏ phiếu biểu quyết theo phương thức truyền thống.
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.
 - b. Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
2. Thể thức bỏ phiếu biểu quyết theo phương thức bỏ phiếu điện tử: Thực hiện theo Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử của Công ty.

Điều 14. Cách thức kiểm phiếu

1. Thể thức kiểm phiếu biểu quyết theo phương thức truyền thống: Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ, số thẻ tán thành được thu trước, số thẻ không tán thành được thu sau. Cuối cùng đếm tổng số phiếu biểu quyết tán thành hay không tán thành để quyết định.
2. Thể thức kiểm phiếu biểu quyết theo phương thức bỏ phiếu điện tử: Thực hiện theo Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử của Công ty.

Điều 15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - f. Vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định.
4. Bầu thành viên HĐQT, BKS phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.
5. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 16. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

Điều 17. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 13.3 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ Công ty;
 - b. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 18. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc; việc gửi biên

bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

2. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 19. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

Điều 20. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

1. Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;
 - b. Định hướng phát triển Công ty;
 - c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Các vấn đề được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng và lập danh sách cổ đông lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Việc lấy ý kiến có thể thực hiện theo phương thức tuyên thệ hoặc qua phương thức bỏ phiếu điện tử.
3. Lấy ý kiến bằng văn bản theo phương thức truyền thống:
 - a. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu

giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

- b. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- iv. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - v. Mục đích lấy ý kiến;
 - vi. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - vii. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - viii. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - ix. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - x. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- c. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:
- i. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - ii. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - iii. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- d. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.
- e. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

- f. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Lấy ý kiến bằng văn bản theo phương thức bỏ phiếu điện tử: Thực hiện theo Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử của Công ty.

III. HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

Thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Quy chế tổ chức Hội nghị trực tuyến do Hội đồng Quản trị xây dựng và ban hành.

Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Quy chế tổ chức Hội nghị trực tuyến do Hội đồng Quản trị xây dựng và ban hành.

CHƯƠNG III. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT

HĐQT có các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 25. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Nhiệm kỳ, số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá ba (03) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế; nhiệm kỳ thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT

- a. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - i. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - ii. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
 - iii. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác.
- b. Thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - i. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty con của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó; Không

phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; không phải là người có vợ hoặc chồng, cha ruột, cha nuôi, mẹ ruột, mẹ nuôi, con ruột, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó.

- ii. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị liên quan.

3. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
- f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- g. Các thông tin khác (nếu có).

4. Cách thức bầu thành viên HĐQT

- a. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu;
- b. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT

- a. Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:
- Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
 - Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu (06) tháng, và trong thời gian này HĐQT không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Thành viên đó bị cách chức thành viên HĐQT theo quyết định của ĐHĐCĐ.

b. Bầu bổ sung thành viên HĐQT:

Việc bầu bổ sung thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại khoản 2,3,4,5 Điều này.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty.

7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

- a. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu năm phần trăm (05%) số cổ phần có quyền họp thành nhóm để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị:
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ bảy mươi phần trăm (70%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

- b. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.
8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT
- a. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
 - b. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
 - c. Chủ tịch HĐQT không được kiêm Tổng giám đốc.

Điều 26. Thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 2. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 27. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

- 1. Số lượng cuộc họp tối thiểu của HĐQT
HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần.
- 2. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường
Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của BKS hoặc thành viên độc lập HĐQT;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;
 - d. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
- 3. Thông báo họp HĐQT
 - a. Thông báo và chương trình họp của HĐQT: Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS ít nhất ba (03) ngày dương lịch trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp

bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT có thể được làm bằng văn bản tiếng Việt hoặc tiếng Anh và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

- b. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

4. Quyền dự họp HĐQT của thành viên BKS

Thành viên BKS có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày dương lịch kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

6. Cách thức biểu quyết

- a. Trừ quy định tại Điều 31.10.(b) Điều Lệ Công ty, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một (01) phiếu biểu quyết. Các thành viên không trực tiếp tham dự cuộc họp sẽ có quyền biểu quyết bằng cách gửi văn bản phiếu. Văn bản phiếu sẽ được niêm phong trong phong bì và trao cho Chủ tịch HĐQT ít nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Văn bản phiếu sẽ chỉ được mở có sự chứng kiến của tất cả người tham dự cuộc họp;
- b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại Điều 31.10.(d) Điều lệ Công ty, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
- d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 37.4.(a), (b) Điều lệ Công ty sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

7. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

- a. HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt trên năm mươi phần trăm (50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
- b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp. Nghị quyết này có thể được ký bởi Chủ tịch HĐQT.

8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

9. Lập biên bản họp HĐQT

Biên bản họp HĐQT: Cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh và phải có họ tên và chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp; người ghi biên bản và chủ tọa. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp HĐQT

Trường hợp nghị quyết Hội đồng quản trị đã được thông qua theo đúng quy định pháp luật nhưng có thành viên từ chối ký biên bản thì chữ ký xác nhận việc tham dự họp được coi là chữ ký của họ tại biên bản họp.

11. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 28. Các tiểu ban thuộc HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên HĐQT vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 29. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Không đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- b. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

- a. HĐQT của Công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- b. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Khi xét thấy sự cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể tuyển dụng thêm 01 Thư ký Công ty để hỗ trợ HĐQT và Chủ tịch HĐQT thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

- a. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
- b. Đại hội đồng cổ đông có quyền bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;

- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên BKS;
- g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 30. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS

BKS có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
- d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông.
- e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- f. Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty.
- i. Có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 31. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS

Số lượng thành viên Ban kiểm soát là (03) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá ba (03) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS

- a. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- b. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- c. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- d. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e. Không là thành viên hoặc nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

3. Đề cử, ứng cử thành viên BKS

- a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu năm phần trăm (05%) cổ phần có quyền họp nhóm để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát.
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) đến dưới mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) thành viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) thành viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (4) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
- b. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.

4. Cách thức bầu thành viên BKS

- a. Việc biểu quyết bầu thành viên BKS thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu;
- b. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của BKS.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS

Thành viên BKS không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên BKS;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của BKS có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của BKS liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này BKS không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên BKS theo quyết định của ĐHĐCĐ.
6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS
- Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.
7. Thù lao và quyền lợi khác của thành viên BKS
- Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 32. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do HĐQT đề xuất, và tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- d. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- e. Hằng năm, trước ngày 31 tháng 12, Tổng Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;
- f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua;
- g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

- h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình đề HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật;
- j. Ký quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh theo phê duyệt chủ trương của Hội đồng quản trị;
- k. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- l. Tuyển dụng lao động;
- m. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ, bổ nhiệm, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc
HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá ba (03) năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể tái bổ nhiệm.
2. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc
HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm một (01) Tổng Giám đốc mới thay thế.
3. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc
Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.
4. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc
Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong ĐHCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 34. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Điều 27 Quy chế này.

2. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT cho BKS

Nghị quyết, biên bản họp và quyết định HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

3. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

4. Các trường hợp Tổng Giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

a. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT

❖ BKS có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty của thành viên BKS không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Điều 40.1 Điều lệ Công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả.

❖ Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 34.4 Điều lệ Công ty không được thi hành.
- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả.

b. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:

- Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế quản trị nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;

- Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.
5. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao
- Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
 - Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
 - Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng và người lao động;
 - Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và ĐHĐCĐ ủy quyền khác;
 - Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.
6. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc
- Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 32 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng Giám đốc.
7. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS
- a. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT
- Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

- Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Tổng Giám đốc trình để HĐQT thông qua;
 - Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp;
 - Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
 - Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo pháp luật hiện hành;
 - Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.
- b. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS
- Tổng Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với BKS nhằm đảm bảo BKS thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT;
 - HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên BKS.
8. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên BKS và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên
- a. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT: BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:
- Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu cả Tổng Giám đốc) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm;

- Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - Thành viên BKS có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;
 - Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;
 - Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.
- b. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc: BKS có chức năng kiểm tra và giám sát
- Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm;
 - Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của Tổng Giám đốc. BKS thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - Thành viên BKS có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
 - Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải

được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;

- Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh Công ty của BKS phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
- c. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
- Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;
 - Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
 - Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
 - Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
 - Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;
 - Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 4 Điều 34 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là mười (10) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi HĐQT.

Điều 35. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.

Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến độ và cải tiến đạt được, v.v...

CHƯƠNG VII. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 36. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác, đồng thời thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những Người có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên HĐQT, cán bộ quản lý hoặc những Người có liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên HĐQT đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào HĐQT hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới hai mươi (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong

báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

- b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi (20%) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
- d. Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay Người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên HĐQT, thành viên BKS, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG VIII. CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 39. Giám sát

Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan và các cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát về Quản trị Công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Xử lý vi phạm

Công ty vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy chế này tùy theo tính chất, mức độ mà sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG IX. ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN

Điều 41. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do HĐQT xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 42. Ngày hiệu lực

Quy chế này gồm 9 Chương 42 Điều, được ĐHCĐ thường niên 2021 thông qua ngày..... tháng 04 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày này.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

.....

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
SUBMISSION TO ANNUAL GENERAL
MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2021**

V/v: Thông qua Kế hoạch niêm yết cổ phiếu ABR lên Sở Giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

Ref: To approve the plan to list ABR's shares to Ho Chi Minh Stock Exchange (HOSE)

Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Securities Law No. 54/2019/QH14 on November 26th, 2019;
- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Enterprise Law No. 59/2020/QH14 on June 17th, 2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
Decree No. 155/2020/NĐ-CP on December 31st, 2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt ("Nhân hiệu Việt").
Charter of Viet Brand Invest Joint Stock Company ("Viet Brand").

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc niêm yết cổ phiếu ABR lên Sở Giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") và thực hiện chuyển sàn giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt (Mã chứng khoán: ABR) từ sàn đăng ký giao dịch UPCOM sang HOSE sau khi được chấp thuận niêm yết, cụ thể như sau:

The Board of Directors of Viet Brand Invest Joint Stock Company submits to the General Meeting of Shareholders for consideration to approve the plan to list ABR's shares to Ho Chi Minh Stock Exchange and implement to transfer the stock exchange of Viet Brand Invest Joint Stock Company (Ticker: ABR) from the Trading registration exchange UPCOM to HOSE after receive the listing approval, as follows:

- Thực hiện hồ sơ để tiến hành niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt (mã chứng khoán: ABR) tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Implementing documents to list shares of Viet Brand Invest Joint Stock Company (Ticker: ABR) at Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Thực hiện hồ sơ đề hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu ABR tại sàn UPCOM và chuyển sang niêm yết cổ phiếu tại HOSE sau khi được chấp thuận niêm yết

Implementing documents to withdraw the registration for trading of ABR's shares at UPCOM and transfer to list shares on HOSE after received the listing approval

- Thời điểm dự kiến nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu: sau khi cổ phiếu ABR đáp ứng đủ điều kiện niêm yết theo quy định pháp luật.

Expected time to submit the application for listing shares: after the shares of ABR meet all the listing conditions in accordance with the law.

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị/ *Authorize the Board of Directors:*

- Chuẩn bị hồ sơ, thủ tục cần thiết và triển khai các công việc liên quan để thực hiện việc niêm yết lên HOSE và chuyển sàn giao dịch.

Prepare necessary documents and procedures, implement related work to perform listing on HOSE and transferring trading floor.

- Lựa chọn thời điểm triển khai thực hiện việc niêm yết và chuyển sàn phù hợp.

Selecting a suitable time to change the transactions of its stocks.

- Thực hiện các thủ tục cần thiết khác để hoàn thiện việc niêm yết và chuyển sàn theo yêu cầu của các cơ quan chức năng có liên quan.

Perform other legal procedures as requested by relevant authorities.

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua.

Board of Directors would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders of 2021 to consider to approve.

Trân trọng./ *Best regards.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
CHAIRMAN OF BOARD OF DIRECTORS**


HỌ, FENG TAO

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT
*VIET BRAND INVEST
JOINT STOCK COMPANY*

---o0o---

Số: 2203-~~AA~~./TTr-HĐQT.2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
*SOCIAL REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness*

---o0o---

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Ho Chi Minh City, March 22nd, 2021

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
SUBMISSION TO ANNUAL GENERAL
MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2021**

V/v: Bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị (Nhiệm kỳ 2021 – 2024)

Ref: Elect member of Board of Directors (Term 2021 – 2024)

Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Securities Law No. 54/2019/QH14 on November 26th, 2019;
- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Enterprise Law No. 59/2020/QH14 on June 17th, 2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
Decree No. 155/2020/ND-CP on December 31st, 2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt (“Nhãn hiệu Việt”).
Charter of Viet Brand Invest Joint Stock Company (“Viet Brand”).
- Đơn đề cử ứng cử của các cổ đông
Nomination Application of Shareholders

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt kính trình Đại hội cổ đông về việc bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2024, với các nhân sự như sau:

Board of Directors of Viet Brand Invest Joint Stock Company would like to submit to AGMS on electing the member of Board of Directors term 2021 – 2024, personels as following:

STT/ No.	Họ và tên/ Full name	Chức danh/ Title
1.	Bà/ Ms. Hoàng Thị Ngọc Diệp	Thành viên/ Member
2.	Bà/ Ms. Hoàng Như Quỳnh	Thành viên/ Member
3.	Bà/ Ms. Vương Lệ Vân	Thành viên/ Member
4.	Bà/ Ms. Nguyễn Thị Trang	Thành viên/ Member
5.	Ông/ Mr. Shih, Chien - Sheng	Thành viên độc lập/ Independent member

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua.

Board of Directors would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders of 2021 to consider to approve.

Trân trọng.

Đính kèm:

1. Sơ yếu lý lịch của ứng viên
CV of candidates

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
CHAIRMAN OF BOARD OF DIRECTORS**


HỌ FENG TAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

SƠ YẾU LÝ LỊCH/ CURRICULUM VITAE

1. Họ và tên/ *Full name*: HOÀNG THỊ NGỌC DIỆP
2. Giới tính/ *Gender*: Nữ/ *Female*
3. Ngày sinh/ *Date of birth*: 06/09/1982
4. Nơi sinh/ *Place of birth*: Thành phố Hải Phòng/ *Hai Phong City*
5. Quốc tịch/ *Nationality*: Việt Nam/ *Vietnamese*
6. Địa chỉ thường trú/ *Permanent address*: 23 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP.HCM/ *23 Nguyen Huu Tho Street, Tan Hung Ward, District 7, HCMC*
7. Số CMND (hoặc Số Hộ chiếu)/ *ID card No. (or Passport No.)*: 031182001234
Nơi cấp/ *Place of issuance*: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư Trú và DLQG về Dân Cư/ *Police Department of Residence Registration and Management and National Population Database*
Ngày cấp/ *Date of issuance*: 04/02/2015
8. Điện thoại liên hệ/ *Contact phone number*: 0947 406 026
9. Trình độ chuyên môn/ *Professional qualifications*: Thạc sỹ/ *Master*
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty đại chúng/ *Current position in a public company*: Không có/ *None*
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các công ty khác/ *Current position in other companies*:

STT/ No.	Tên Công Ty/ <i>Name of Company</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>
1	Công Ty Luật TNHH Một thành viên Di Linh/ <i>Dilinh Legal</i>	Giám Đốc/ <i>Director</i>
2	Công Ty Cổ Phần Dilinh/ <i>Dilinh Joint Stock Company</i>	Giám Đốc/ <i>Director</i>
3	Công ty Cổ Phần Phát Triển Quang Thái/ <i>Quang Thai Development Joint Stock Company</i>	Tổng Giám Đốc/ <i>General Director</i>
4	Công Ty TNHH Hân Đô/ <i>Han Do Company Limited</i>	Tổng Giám Đốc/ <i>General Director</i>
5	Công ty TNHH Phát triển Phú Hưng Sáng/ <i>Phu Hung Sang Development Limited Liability Company</i>	Tổng Giám Đốc/ <i>General Director</i>

STT/ No.	Tên Công Ty/ Name of Company	Chức vụ/ Position
6	Công Ty Trách nhiệm hữu hạn Jones & Vining (Việt Nam)/ <i>Jones & Vining (Vietnam) Company Limited</i>	Phó Tổng Giám Đốc/ <i>Deputy General Director</i>

12. Quá trình công tác/ *Working experience:*

Thời gian/ Time <i>(Từ tháng năm đến tháng năm/ From month/year to month/year)</i>	Đơn vị công tác/ Work placement	Chức vụ/ Position
2007 - 2009	Công ty Luật TNHH Mayer Brown/ <i>Mayer Brown Lawyers Company Limited</i>	Luật sư/ <i>Lawyer</i>
2010 - Nay <i>2010 till now</i>	Công ty Cổ Phần Dìlinh/ <i>Dìlinh Joint Stock Company</i>	Giám Đốc/ <i>Director</i>
2010 - 2018	Công Ty Luật TNHH Một thành viên Dì Linh/ <i>Dìlinh Legal</i>	Phó Giám Đốc/ <i>Deputy Director</i>
2018	Công Ty Luật TNHH Một thành viên Dì Linh/ <i>Di Linh Lawyes Company Limited</i>	Giám Đốc/ <i>Director</i>

13. Hành vi vi phạm pháp luật/ *Acts of law violation: Không có/ None*

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty đại chúng/ *Number of owned securities of individuals and related persons in public company: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ/ specify quantity and holding ratio): 10.840.350 cổ phiếu ~ 54,20% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Trong đó/ 10,840,350 shares ~ 54.20% total number of voting shares. In which:*

- Sở hữu cá nhân/ *Individual ownership: 0 cổ phiếu/ 0 share*
- Sở hữu đại diện/ *Representative ownership: 0 cổ phiếu/ 0 share*
- Sở hữu của người có liên quan/ *Ownership of related persons: (nêu rõ họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ/ specify full name, relationship, quantity and holding ratio):*
 - Công ty Cổ Phần Phát Triển Quang Thái: 10.840.350 cổ phiếu ~ 54,20% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết.
Quang Thai Development Joint Stock Company: 10,840,350 shares ~ 54.20% total number of voting shares.

15. Các khoản nợ đối với công ty đại chúng/ *Debts to public company: Không có/ None*

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty đại chúng/ *Remuneration and other benefits received from public company: Không có/ None*

17. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng và các bên liên quan của công ty/ *Benefits related to public company and its related parties: Không có/ None*

17. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng và các bên liên quan của công ty/ *Benefits related to public company and its related parties*: Không có/ *None*

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước công ty và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật./.

I hereby certify that the above statements are true, if wrong, I shall take responsibility before the company and the competent authority in accordance with the law./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2021

Ho Chi Minh City, March 17th, 2021

Người khai/ *Declarant*

(Ký và ghi rõ họ tên/ Sign, specify full name)



HOÀNG THỊ NGỌC DIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

SƠ YẾU LÝ LỊCH/ CURRICULUM VITAE

1. Họ và tên/ *Full name*: VƯƠNG LỆ VÂN
2. Giới tính/ *Gender*: Nữ/ *Female*
3. Ngày sinh/ *Date of birth*: 12/07/1949
4. Nơi sinh/ *Place of birth*:
5. Quốc tịch/ *Nationality*: Việt Nam/ *Vietnamese*
6. Địa chỉ thường trú/ *Permanent address*: B1-122 Hung Thái, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM/ *B1-122 Hung Thai Street, Tan Phong Ward, District 7, HCMC*
7. Số CMND (hoặc Số Hộ chiếu)/ *ID card No. (or Passport No.)*: 020182504
Nơi cấp/ *Place of issuance*: Công an TP.HCM/ *HCMC Public Security Department*
Ngày cấp/ *Date of issuance*: 22/09/2008
8. Điện thoại liên hệ/ *Contact phone number*: 090 800 6869
9. Trình độ chuyên môn/ *Professional qualifications*:
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty đại chúng/ *Current position in a public company*: Không có/ *None*
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các công ty khác/ *Current position in other companies*: Không có/ *None*
12. Quá trình công tác/ *Working experience*:

Thời gian/ <i>Time</i> <i>(Từ tháng năm đến tháng năm/ From month/year to month/year)</i>	Đơn vị công tác/ <i>Work placement</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>
9/1970 - 9/1974	Trường cấp 3 Thái Bình – Hà Nội/ <i>Thai Binh High School - Hanoi</i>	Giáo Viên/ <i>Teacher</i>
9/1974 - 9/1976	Tòa Soạn Báo Tân Việt Hoa – Hà Nội/ <i>Tan Viet Hoa Newspaper Editorial Court - Hanoi</i>	Biên Tập Viên/ <i>Editor</i>
9/1976 - 9/1980	Trường cấp 2,3 Sương Nguyệt Ánh – Quận 10, TP.HCM/ <i>Suong Nguyet Anh Secondary and High School – District 10, HCMC</i>	Giáo Viên/ <i>Teacher</i>

9/1980 - 9/1991	Trường THPT Mạc Đình Chi/ <i>Mac Dinh Chi High School</i>	Giáo Viên/ <i>Teacher</i>
9/1991 - 7/1993	Công Ty Liên Doanh Aumovislo/ <i>Aumovislo Joint Venture Company</i>	Trợ Lý TGD/ <i>Assistant of General Director</i>
7/1993 - 10/2020	Công ty TNHH Phát Triển Phú Mỹ Hưng/ <i>Phu My Hung Development Company Limited</i>	Trợ Lý TGD/ <i>Assistant of General Director</i>

13. Hành vi vi phạm pháp luật/ *Acts of law violation*: Không có/ *None*

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty đại chúng/ *Number of owned securities of individuals and related persons in public company*: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ/ *specify quantity and holding ratio*): 0 cổ phiếu ~ 0,00% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Trong đó/ *0 share ~ 0.00% total number of voting shares. In which*:

- Sở hữu cá nhân/ *Individual ownership*: 0 cổ phiếu/ *0 share*
- Sở hữu đại diện/ *Representative ownership*: 0 cổ phiếu/ *0 share*
- Sở hữu của người có liên quan/ *Ownership of related persons*: (nêu rõ họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ/ *specify full name, relationship, quantity and holding ratio*): 0 cổ phiếu/ *0 share*

15. Các khoản nợ đối với công ty đại chúng/ *Debts to public company*: Không có/ *None*

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty đại chúng/ *Remuneration and other benefits received from public company*: Không có/ *None*

17. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng và các bên liên quan của công ty/ *Benefits related to public company and its related parties*: Không có/ *None*

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước công ty và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật./.

I hereby certify that the above statements are true, if wrong, I shall take responsibility before the company and the competent authority in accordance with the law./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2021

Ho Chi Minh City, March 17th, 2021

Người khai/ *Declarant*

(Ký và ghi rõ họ tên/ Sign, specify full name)

Vam

VƯƠNG LỆ VÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness*

SƠ YẾU LÝ LỊCH/ CURRICULUM VITAE

- Họ và tên/ *Full name*: HOÀNG NHƯ QUỲNH
- Giới tính/ *Gender*: Nữ/ *Female*
- Ngày sinh/ *Date of birth*: 27/03/1985
- Nơi sinh/ *Place of birth*: Tuyên Quang/ *Tuyen Quang*
- Quốc tịch/ *Nationality*: Việt Nam/ *Vietnamese*
- Địa chỉ thường trú/ *Permanent address*: 92 Văn Chương, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội/ *92, Van Chuong Lane, Van Chuong Ward, Dong Da District, Hanoi City*
- Số CMND (hoặc Số Hộ chiếu)/ *ID card No. (or Passport No.)*: 008185000027
Nơi cấp/ *Place of issuance*: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư Trú và DLQG về Dân Cư/ *Police Department of Residence Registration and Management and National Population Database*
Ngày cấp/ *Date of issuance*: 09/07/2014
- Điện thoại liên hệ/ *Contact phone number*:
- Trình độ chuyên môn/ *Professional qualifications*: Thạc sỹ/ *Master*
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty đại chúng/ *Current position in a public company*:
Thành viên Hội đồng quản trị/ *Member of Board of Directors*
- Chức vụ đang nắm giữ tại các công ty khác/ *Current position in other companies*:
 - Công ty TNHH Phát triển Vũ Thịnh - Chức vụ: Giám đốc
Vu Thinh Development Company Limited - Position: Director
- Quá trình công tác/ *Working experience*:

Thời gian/ Time <i>(Từ tháng năm đến tháng năm/ From month/year to month/year)</i>	Đơn vị công tác/ Work placement	Chức vụ/ Position
2010 - 2011	Công ty TNHH Điện lực Hiệp Phước/ <i>Hiep Phuoc Power Company Limited</i>	Trợ lý TGĐ/ <i>Assistant of General Director</i>
2011 - 2016	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Phú Thịnh/ <i>Phu Thinh Investment Consulting Company Limited</i>	Trợ lý TGĐ/ <i>Assistant of General Director</i>

2016 đến nay <i>2016 till now</i>	Công ty TNHH Phát triển Vũ Thịnh/ <i>Vu Thinh Development Company Limited</i>	Giám đốc/ <i>Director</i>
2019 đến nay <i>2019 till now</i>	Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt/ <i>Viet Brand Invest Joint Stock Company</i>	Thành viên Hội đồng quản trị/ <i>Member of Board of Directors</i>

13. Hành vi vi phạm pháp luật/ *Acts of law violation*: Không có/ *None*

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty đại chúng/ *Number of owned securities of individuals and related persons in public company*: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ/ *specify quantity and holding ratio*): 730.150 cổ phiếu ~ 3,65% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Trong đó/ *730,150 shares ~ 3.65% total number of voting shares. In which*:

- Sở hữu cá nhân/ *Individual ownership*: 100 cổ phiếu ~ 0,0005% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết / *100 shares ~ 0.0005% total number of voting shares*.
- Sở hữu đại diện/ *Representative ownership*: 0 cổ phiếu/ *0 share*
- Sở hữu của người có liên quan/ *Ownership of related persons*: (nêu rõ họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ/ *specify full name, relationship, quantity and holding ratio*):
 - Công ty TNHH Phát triển Vũ Thịnh: 730.050 cổ phiếu ~ 3,65% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết.
Vu Thinh Development Company Limited: 730,050 shares ~ 3.65% total number of voting shares.

15. Các khoản nợ đối với công ty đại chúng/ *Debts to public company*: Không có/ *None*

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty đại chúng/ *Remuneration and other benefits received from public company*: Không có/ *None*

17. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng và các bên liên quan của công ty/ *Benefits related to public company and its related parties*: Không có/ *None*

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước công ty và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật./

I hereby certify that the above statements are true, if wrong, I shall take responsibility before the company and the competent authority in accordance with the law./

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2021

Ho Chi Minh City, March 17th, 2021

Người khai/ *Declarant*

(Ký và ghi rõ họ tên/ Sign, specify full name)

HOÀNG NHƯ QUỲNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

SƠ YẾU LÝ LỊCH/ *CURRICULUM VITAE*

- Họ và tên/ *Full name*: NGUYỄN THỊ TRANG
- Giới tính/ *Gender*: Nữ
- Ngày sinh/ *Date of birth*: 16/10/1986
- Nơi sinh/ *Place of birth*: Hà Tĩnh
- Quốc tịch/ *Nationality*: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú/ *Permanent address*: Căn hộ 421, Chung cư An Hòa 7, Tổ 3J, Khu phố 1, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số CMND (hoặc Số Hộ chiếu)/ *ID card No. (or Passport No.)*: 025366044
Nơi cấp/ *Place of issuance*: Công an Thành phố Hồ Chí Minh
Ngày cấp/ *Date of issuance*: 06/12/2013
- Điện thoại liên hệ/ *Contact phone number*: 093 888 6756
- Trình độ chuyên môn/ *Professional qualifications*: Cử nhân
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty đại chúng/ *Current position in a public company*: Không
- Chức vụ đang nắm giữ tại các công ty khác/ *Current position in other companies*: Không
- Quá trình công tác/ *Working experience*:

Thời gian/ <i>Time</i> <i>(Từ tháng năm đến tháng năm/ From month/year to month/year)</i>	Đơn vị công tác/ <i>Work placement</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>
07/2009 đến 02/2011	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng	Nhân viên Tái bảo hiểm
03/2011 đến 04/2012	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Chuyên viên dự án
07/2013 đến 12/2015	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng	Chuyên viên Tái bảo hiểm (07/2013 – 10/2013)

		Trưởng bộ phận Kế hoạch (10/2013 – 03/2014) Trưởng bộ phận Bảo hiểm Tài sản – Phòng Xét nhận bảo hiểm (03/2014 – 12/2015)
01/2016 – 05/2018	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY Việt Nam)	Chuyên viên tuân thủ
05/2018 – nay	Công Ty Luật TNHH Một thành viên Dilinh – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Trợ lý Luật sư

13. Hành vi vi phạm pháp luật/ *Acts of law violation*: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty đại chúng/ *Number of owned securities of individuals and related persons in public company: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ/ specify quantity and holding ratio)*

- Sở hữu cá nhân/ *Individual ownership*: Không
- Sở hữu đại diện/ *Representative ownership*: Không
- Sở hữu của người có liên quan/ *Ownership of related persons: (nêu rõ họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ/ specify full name, relationship, quantity and holding ratio)*: Không.

15. Các khoản nợ đối với công ty đại chúng/ *Debts to public company*: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty đại chúng/ *Remuneration and other benefits received from public company*: Không

17. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng và các bên liên quan của công ty/ *Benefits related to public company and its related parties*: Không

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước công ty và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2021

Người khai/ Declarant

(Ký và ghi rõ họ tên/ Sign, specify full name)

Nguyễn Thị Trang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

SƠ YẾU LÝ LỊCH/ CURRICULUM VITAE

1. Họ và tên/ *Full name*: Shih Chien-Sheng
2. Giới tính/ *Gender*: Nam/ *Male*
3. Ngày sinh/ *Date of birth*: 01/09/1974
4. Nơi sinh/ *Place of birth*: Đài Loan/ *Taiwan*
5. Quốc tịch/ *Nationality*: Đài Loan/ *Taiwanese*
6. Địa chỉ thường trú/ *Permanent address*: Tầng 1, số 15, Lane 299 JuGuang Rd., Đài Bắc, Đài Loan/ *IF No.15 Lane 299 JuGuang Rd. Taipei Taiwan*
7. Số CMND (hoặc Số Hộ chiếu)/ *ID card No. (or Passport No.)*: 351164199
Nơi cấp/ *Place of issuance*: Đài Loan/ *Taiwan*
Ngày cấp/ *Date of issuance*: 19/09/2018
8. Điện thoại liên hệ/ *Contact phone number*: 0909968645
9. Trình độ chuyên môn/ *Professional qualifications*:

Thời gian/ <i>Time</i>	Tên Trường/ <i>School/ Institution</i>	Nơi cấp/ <i>City/</i> <i>Country</i>	Chuyên ngành/ <i>Major</i>	Văn bằng/ <i>Degree</i>
1992 - 1996	FuJen University	Taiwan	Quản trị kinh doanh/ <i>Business</i> <i>Administration</i>	BBA
2010 - 2011	National University of Singapore	Singapore	Quản trị kinh doanh/ <i>Business</i> <i>Administration</i>	MBA

10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty đại chúng/ *Current position in a public company*: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị/ *Independent Member of Board of Directors*
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các công ty khác/ *Current position in other companies*:

- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng: Trưởng văn phòng đại diện tại Myanmar
Phu Hung Assurance Corporation: Chief of Representative office at Myanmar

12. Quá trình công tác/ *Working experience:*

Thời gian/ Time <i>(Từ tháng năm đến tháng năm/ From month/year to month/year)</i>	Đơn vị công tác/ Work placement	Chức vụ/ Position
03/04/2019 đến hiện tại <i>03/04/2019 till now</i>	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng/ <i>Phu Hung Assurance Corporation</i>	Trưởng văn phòng đại diện tại Myanmar/ <i>Chief of Representative office at Myanmar</i>
2018-2019	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng/ <i>Phu Hung Life Insurance JSC</i>	Trưởng phòng dự án/ <i>Head of Project</i>
2014-2017	Kelvin Chia Partnership	Quản lý, Công ty/ <i>Manager, Corporate Affairs</i>
2011–2014	Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng/ <i>Phu Hung Life Insurance Preparatory Office</i>	Trưởng phòng, hành chính tổng hợp/ <i>Manager, General Administration</i>
2002-2010	Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ Hưng/ <i>Phu My Hung Development Corporation</i>	Trưởng phòng thị trường quốc tế/ <i>Head of International Market</i>
1998-2001	AnTie Commercial Bank	Chuyên gia quản lý/ <i>Management Associate</i>

13. Hành vi vi phạm pháp luật/ *Acts of law violation:* Không có/ *None*

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty đại chúng/ *Number of owned securities of individuals and related persons in public company: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ/ specify quantity and holding ratio)*

- Sở hữu cá nhân/ *Individual ownership:* 0 cổ phần/ *share*
- Sở hữu đại diện/ *Representative ownership:*

- Sở hữu của người có liên quan/ *Ownership of related persons: (nêu rõ họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ/ specify full name, relationship, quantity and holding ratio)*
- 15. Các khoản nợ đối với công ty đại chúng/ *Debts to public company: Không có/ None*
- 16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty đại chúng/ *Remuneration and other benefits received from public company: Không có/ None*
- 17. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng và các bên liên quan của công ty/ *Benefits related to public company and its related parties: Không có/ None*

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước công ty và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày.....tháng...năm 2021

HCMC,....., 2021

**Xác nhận của công ty đại chúng/
*Confirmation of public company***

Tp. Hồ Chí Minh, ngày.....tháng...năm 2021

HCMC,....., 2021

Người khai/ *Declarant*
(Ký và ghi rõ họ tên/ Sign, specify full name)



Shih Chien-Sheng

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT
*VIET BRAND INVEST
JOINT STOCK COMPANY*

---o0o---

Số: 2203-..../TTr-BKS.2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
*SOCIAL REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness*

---o0o---

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2021
Ho Chi Minh City, March 22nd, 2021

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
*SUBMISSION TO ANNUAL GENERAL
MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2021***

V/v: Bầu cử Thành viên Ban Kiểm soát (Nhiệm kỳ 2021 – 2024)

Ref: Elect member of Board of Supervisors (Term 2021 – 2024)

Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Securities Law No. 54/2019/QH14 on November 26th, 2019;
- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Enterprise Law No. 59/2020/QH14 on June 17th, 2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
Decree No. 155/2020/ND-CP on December 31st, 2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt (“Nhân hiệu Việt”);
Charter of Viet Brand Invest Joint Stock Company (“Viet Brand”);
- Đơn đề cử ứng cử của các cổ đông.
Nomination Application of Shareholders.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt kính trình Đại hội cổ đông về việc bầu cử Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2024, với các nhân sự như sau:

Board of Supervisors of Viet Brand Invest Joint Stock Company would like to submit to AGMS on electing the member of Board of Supervisors term 2021 – 2024, personels as following:

STT/ No.	Họ và tên/ Full name	Chức danh/ Title
1.	Bà/ Ms. Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên/ Member
2.	Ông/ Mr. Nguyễn Duy Long	Thành viên/ Member
3.	Bà/ Ms. Tsai, Hsiu-Li	Thành viên/ Member

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua.

Board of Supervisors would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders of 2021 to consider to approve.

Trân trọng./ *Best regards*

Đính kèm:

1. Sơ yếu lý lịch của ứng viên
CV of candidates

**TM. BAN KIỂM SOÁT/
ON BEHALF OF BOARD OF SUPERVISORS**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT/
HEAD OF BOARD OF SUPERVISORS**



LIEW SEP SIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

SƠ YẾU LÝ LỊCH/ CURRICULUM VITAE

1. Họ và tên/ *Full name*: NGUYỄN DUY LONG
2. Giới tính/ *Gender*: Nam/ *Male*
3. Ngày sinh/ *Date of birth*: 07/05/1988
4. Nơi sinh/ *Place of birth*: TP.HCM/ *HCMC*
5. Quốc tịch/ *Nationality*: Việt Nam/ *Vietnamese*
6. Địa chỉ thường trú/ *Permanent address*: 1247/13/2 Huỳnh Tấn Phát, P. Phú Thuận, Quận 7, TP.HCM/ *1247/13/2 Huynh Tan Phat Street, Phu Thuan Ward, District 7, HCMC*
7. Số CMND (hoặc Số Hộ chiếu)/ *ID card No. (or Passport No.)*: 024052008
Nơi cấp/ *Place of issuance*: Công an TP.HCM/ *HCMC Public Security Department*
Ngày cấp/ *Date of issuance*: 24/12/2009
8. Điện thoại liên hệ/ *Contact phone number*: 0382205679
9. Trình độ chuyên môn/ *Professional qualifications*: Đại học/ *Bachelor*
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty đại chúng/ *Current position in a public company*:
Không có/ *None*
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các công ty khác/ *Current position in other companies*:
 - Công ty TNHH Phát Triển Hưng Truyền: Kế toán
Hung Truyen Development Company Limited: Accountant
12. Quá trình công tác/ *Working experience*:

Thời gian/ Time <i>(Từ tháng năm đến tháng năm/ From month/year to month/year)</i>	Đơn vị công tác/ Work placement	Chức vụ/ Position
09/2009 - 02/2012	Công ty Cổ Phần Bảo Hiểm Phú Hưng/ <i>Phu Hung Assurance Corporation</i>	Kế toán/ <i>Accountant</i>
03/2012 - 06/2013	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Phú Hưng/ <i>Phu Hung Securities Corporation</i>	Kế toán/ <i>Accountant</i>
07/2013 - 04/2018	Công ty TNHH Thế Vượng/ <i>The</i>	Kế toán/ <i>Accountant</i>

	<i>Vuong Company Limited</i>	
05/2018 - Đến nay <i>05/2018 till now</i>	Công ty TNHH Phát Triển Hưng Truyền/ <i>Hung Truyen Development Company Limited</i>	Kế toán/ <i>Accountant</i>

13. Hành vi vi phạm pháp luật/ *Acts of law violation*: Không có/ *None*

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty đại chúng/ *Number of owned securities of individuals and related persons in public company*: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ/ *specify quantity and holding ratio*): 0 cổ phiếu ~ 0,00% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Trong đó/ *0 share ~ 0.00% total number of voting shares. In which*:

- Sở hữu cá nhân/ *Individual ownership*: 0 cổ phiếu/ *0 share*
- Sở hữu đại diện/ *Representative ownership*: 0 cổ phiếu/ *0 share*
- Sở hữu của người có liên quan/ *Ownership of related persons*: (nêu rõ họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ/ *specify full name, relationship, quantity and holding ratio*): 0 cổ phiếu/ *0 share*

15. Các khoản nợ đối với công ty đại chúng/ *Debts to public company*: Không có/ *None*

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty đại chúng/ *Remuneration and other benefits received from public company*: Không có/ *None*

17. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng và các bên liên quan của công ty/ *Benefits related to public company and its related parties*: Không có/ *None*

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước công ty và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật./.

I hereby certify that the above statements are true, if wrong, I shall take responsibility before the company and the competent authority in accordance with the law./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2021

Ho Chi Minh City, March 17th, 2021

Người khai/ *Declarant*

(Ký và ghi rõ họ tên/ Sign, specify full name)



NGUYỄN DUY LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

SƠ YẾU LÝ LỊCH/ CURRICULUM VITAE

1. Họ và tên/ *Full name*: NGUYỄN THỊ THU TRANG
2. Giới tính/ *Gender*: Nữ/ *Female*
3. Ngày sinh/ *Date of birth*: 29/03/1978
4. Nơi sinh/ *Place of birth*: Nam Định/ *Nam Dinh*
5. Quốc tịch/ *Nationality*: Việt Nam/ *Vietnamese*
6. Địa chỉ thường trú/ *Permanent address*: 118/6/17/4 TX38, P. Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM/ *118/6/17/4 TX38, Thanh Xuan Ward, District 12, HCMC*
7. Số CMND (hoặc Số Hộ chiếu)/ *ID card No. (or Passport No.)*: 024445477
 Nơi cấp/ *Place of issuance*: Công an TP.HCM/ *HCMC Public Security Department*
 Ngày cấp/ *Date of issuance*: 18/06/2012
8. Điện thoại liên hệ/ *Contact phone number*: 0919691991
9. Trình độ chuyên môn/ *Professional qualifications*: Thạc sỹ kinh tế/ *Master in economics*
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty đại chúng/ *Current position in a public company*: Không có/ *None*
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các công ty khác/ *Current position in other companies*:
 - Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Phú Lập: Kế toán
Phu Lap Investment Consultant Company Limited: Accountant
12. Quá trình công tác/ *Working experience*:

Thời gian/ Time <i>(Từ tháng năm đến tháng năm/ From month/year to month/year)</i>	Đơn vị công tác/ Work placement	Chức vụ/ Position
04/2003 - 08/2004	Công ty Cổ phần Quốc tế C&T/ <i>C&T International Joint Stock Company</i>	Kế toán/ <i>Accountant</i>
09/2004 - 05/2005	Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch & Thương mại TST/ <i>TST Tourist Service & Trading Corporation</i>	Kế toán/ <i>Accountant</i>
07/2005 - 07/2006	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Hưng Gia/ <i>Phu Hung Gia Construction & Investment Joint Stock Company</i>	Kế toán/ <i>Accountant</i>

10/2006 - 08/2010	Công ty Cổ phần Địa Ốc An Phú/ <i>An Phu Real Estate Corporation</i>	Kế toán/ <i>Accountant</i>
09/2010 - 04/2012	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng/ <i>Phu Hung Assurance Corporation</i>	Kế toán/ <i>Accountant</i>
12/2012 - 06/2016	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng/ <i>Phu Hung Fund Management Joint Stock Company</i>	Kế toán/ <i>Accountant</i>
05/2012 – nay <i>05/2012 till now</i>	Công ty TNHH Tư vấn Đầu Tư Phú Lập/ <i>Phu Lap Investment Consultant Company Limited</i>	Kế toán/ <i>Accountant</i>

13. Hành vi vi phạm pháp luật/ *Acts of law violation*: Không có/ *None*

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty đại chúng/ *Number of owned securities of individuals and related persons in public company*: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ/ *specify quantity and holding ratio*): 0 cổ phiếu ~ 0,00% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Trong đó/ *0 share ~ 0.00% total number of voting shares*. In which:

- Sở hữu cá nhân/ *Individual ownership*: 0 cổ phiếu/ *0 share*
- Sở hữu đại diện/ *Representative ownership*: 0 cổ phiếu/ *0 share*
- Sở hữu của người có liên quan/ *Ownership of related persons*: (nêu rõ họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ/ *specify full name, relationship, quantity and holding ratio*): 0 cổ phiếu/ *0 share*

15. Các khoản nợ đối với công ty đại chúng/ *Debts to public company*: Không có/ *None*

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty đại chúng/ *Remuneration and other benefits received from public company*: Không có/ *None*

17. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng và các bên liên quan của công ty/ *Benefits related to public company and its related parties*: Không có/ *None*

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước công ty và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật./.

I hereby certify that the above statements are true, if wrong, I shall take responsibility before the company and the competent authority in accordance with the law./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2021

Ho Chi Minh City, March 17th, 2021

Người khai/ *Declarant*

(Ký và ghi rõ họ tên/ Sign, specify full name)

NGUYỄN THỊ THU TRANG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

SƠ YẾU LÝ LỊCH/ CURRICULUM VITAE

1. Họ và tên/ *Full name*: Tsai, Hsiu-Li
2. Giới tính/ *Gender*: Nữ/ *Female*
3. Ngày sinh/ *Date of birth*: 30/12/1972
4. Nơi sinh/ *Place of birth*: Đài Loan/ *Taiwan*
5. Quốc tịch/ *Nationality*: Đài Loan/ *Taiwanese*
6. Địa chỉ thường trú/ *Permanent address*: Tầng 18, số 4, khu 1, đường Chung Hsiao Tây, Đài Bắc, Đài Loan/ *18F, No.4, Sec.1, Chung Hsiao West Road, Taipei City, Taiwan*
7. Số CMND (hoặc Số Hộ chiếu)/ *ID card No. (or Passport No.)*: 303869392
Nơi cấp/ *Place of issuance*: Đài Loan/ *Taiwan*
Ngày cấp/ *Date of issuance*: 21/11/2011
8. Điện thoại liên hệ/ *Contact phone number*: 02-23119933
9. Trình độ chuyên môn/ *Professional qualifications*:

Thời gian/ <i>Time</i>	Tên Trường/ <i>School/ Institution</i>	Nơi cấp/ <i>City/ Country</i>	Chuyên ngành/ <i>Major</i>	Văn bằng/ <i>Degree</i>
Jun 1999	Tung Hai University	Đài Loan/ <i>Taiwan</i>	Kế toán/ <i>Accounting</i>	Thạc sỹ/ <i>Master</i>
Jun 1996	National Taiwan University	Đài Loan/ <i>Taiwan</i>	Kế toán/ <i>Accounting</i>	Cử nhân/ <i>Bachelor</i>

10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty đại chúng/ *Current position in a public company*: Thành viên Ban kiểm soát/ *Member of Board of Supervisors*
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các công ty khác/ *Current position in other companies*:
 - Freshfields Capital Corporation: Quản lý Tài chính/ *Financial Manager*
12. Quá trình công tác/ *Working experience*:

Thời gian/ Time <i>(Từ tháng năm đến tháng năm/ From month/year to month/year)</i>	Đơn vị công tác/ Work placement	Chức vụ/ Position
Từ 2008 đến nay <i>From 2008 till now</i>	Freshfields Capital Corporation	Quản lý tài chính/ <i>Financial Manager</i>
2007-2008	Taiwan Mobile Co.,Ltd	Kế toán trưởng/ <i>Accounting Supervisor</i>
2002-2007	Taiwan Fixed Network Co., Ltd	Kế toán trưởng/ <i>Accounting Supervisor</i>
1999-2002	Deloitte & Touche	Trợ lý kiểm toán/ <i>Audit Assistant</i>

13. Hành vi vi phạm pháp luật/ *Acts of law violation*: Không có/ *None*

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty đại chúng/ *Number of owned securities of individuals and related persons in public company*: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ/ *specify quantity and holding ratio*)

- Sở hữu cá nhân/ *Individual ownership*: 952.300 cổ phiếu/ *shares* ~ 4,76%
- Sở hữu đại diện/ *Representative ownership*:
- Sở hữu của người có liên quan/ *Ownership of related persons*: (nêu rõ họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ/ *specify full name, relationship, quantity and holding ratio*)

15. Các khoản nợ đối với công ty đại chúng/ *Debts to public company*: Không có/ *None*

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty đại chúng/ *Remuneration and other benefits received from public company*: Không có/ *None*

17. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng và các bên liên quan của công ty/ *Benefits related to public company and its related parties*: Không có/ *None*

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước công ty và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật./

Địa điểm, Ngày/ Place and Date

**Xác nhận của công ty đại chúng/
*Confirmation of public company***

Địa điểm, Ngày/ Place and Date

Người khai/ Declarant
(Ký và ghi rõ họ tên/ Sign, specify full name)



Tsai, Hsiu-Li